



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 24.04.2026

PHẦN I

- 1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**
- 2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

PHẦN II

- 1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**
- 3. KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC NĂM 2026**

PHỤ LỤC

- 1. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2025**
- 2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Phần I

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH:

Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động từ 01.01.1992 đã nhanh chóng là niềm hy vọng sống của biết bao người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần điều trị nội khoa hiệu quả để sớm hồi phục. Vào cuối năm 1999, Viện Tim đã mổ mỗi năm hàng ngàn trường hợp, tỷ lệ thành công là 97,6% đã có nhiều ngàn người bệnh tim được cứu sống nhưng cũng đã có hơn 5.000 người bệnh tim cần mổ còn phải đợi chờ. Làm sao để nhanh chóng cứu người đã không ngừng thôi thúc Viện Tim chuyển giao kỹ thuật cho các Bệnh viện bạn ở Huế, Hà Nội để cùng chia sẻ gánh nặng với Viện Tim, cùng mổ tim để kịp cứu người.

Vào năm 2000, được sự khuyến khích của các vị Lãnh đạo thành phố, Sở Y tế và Bộ Y tế mong muốn xây dựng thêm một bệnh viện chuyên khoa tim hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh, cùng quy mô như Viện Tim để nâng công suất mổ cả nước lên gấp 3 lần công suất của Viện Tim. Từ mục đích cao đẹp đó và trên cơ sở chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao ban hành trong Nghị định số 73/1999/NĐCP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được hình thành.

Ngày 27/10/2000 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh qua Công văn số 1641-VP-VX chỉ đạo Sở Y tế xem xét tạo điều kiện thành lập một Bệnh viện Tim tư nhân; Ngày 3/11/2000 Sở Y tế Thành phố đã có ý kiến chỉ đạo Viện Tim hỗ trợ về đào tạo nhân lực, chuyển giao kỹ thuật cho Bệnh viện Tim tư theo Công văn số 1641-VP-VX của UBND TP. Hồ Chí Minh; Ngày 17/5/2002 Đại hội cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức gồm 08 thành viên với sự giúp đỡ của các Cố vấn: TS.BS. Nguyễn Ngọc Chiêu, PGS.TS.BS. Phạm Nguyễn Vinh, BS. Phan Kim Phương và được sự ủng hộ nhiệt tình của GS.VS. Dương Quang Trung, GS. Alain Carpentier là những vị sáng lập nên Viện Tim, đã đặt những nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Tâm Đức.

Ngày 16/07/2002 Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001109 cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức.



Năm 2004, Bệnh viện Tim Tâm Đức thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được khởi công xây dựng trên diện tích 10.000m² tại số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích sử dụng 17.984 m², quy mô 180 giường, có đầy đủ các khoa:

- Khoa Khám Điều trị ngoại trú có khả năng khám và điều trị mỗi ngày từ 300 đến 400 người bệnh về tim mạch; về chuyên Khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Sản Phụ khoa có liên quan vấn đề tim mạch, về cận lâm sàng và xét nghiệm.
- Khoa Phẫu thuật tim và mạch máu có 72 giường điều trị và 2 phòng mổ hiện đại có khả năng mổ 4-6 ca/ngày, 1.000 đến 1.200 ca/năm với các bệnh lý Tim bẩm sinh, bệnh van tim, bệnh động mạch vành và các bệnh tim và mạch máu khác.
- Khoa Hồi sức ngoại tim mạch có 15 giường Hồi sức sau mổ tim có khả năng điều trị hiệu quả những trường hợp hậu phẫu nặng, cho những bệnh nhi rất nhỏ tuổi cũng như những bệnh nhân rất nhiều tuổi.
- Khoa Hồi sức cấp cứu nội tim mạch có 18 giường, điều trị cấp cứu và hồi sức tích cực các bệnh lý tim mạch.
- Khối Nội tim mạch có 80 giường được tổ chức thành 3 Khoa NTM 1,2,3, điều trị nội các bệnh lý tim mạch cũng như những bệnh lý khác có liên quan đến tim mạch, có Phòng thăm dò chức năng tim mạch (Siêu âm Tim, ECG gắng sức), Phòng thăm dò loạn nhịp, khảo sát điện sinh lý tim để chẩn đoán cắt đốt hoặc cấy đặt các thiết bị điều trị rối loạn nhịp tim và Khoa thông tim can thiệp có khả năng thông tim can thiệp 5-6 trường hợp mỗi ngày, điều trị bệnh lý mạch vành, bệnh lý mạch máu khác, bệnh lý tim bẩm sinh và siêu âm trong lòng mạch (IVUS).

Bệnh viện Tim Tâm Đức tổ chức đơn vị tiếp tân chuyên nghiệp, hướng dẫn chu đáo cho người đến khám bệnh, có nhà hàng phục vụ ăn uống và giải khát lịch sự, là nơi cung cấp thức ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú cũng như thân nhân người bệnh với nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, là nơi có thể tổ chức hội nghị khoảng 300 người. Đặc biệt Bệnh viện Tim Tâm Đức có bãi đáp trực thăng dành cho trường hợp cấp cứu khẩn cấp trong tương lai khi điều kiện cho phép.

Sau 18 tháng xây dựng và hơn 02 năm đào tạo đội ngũ chuyên khoa nội, ngoại khoa cho hơn 100 bác sĩ và y tá, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã chính thức khánh thành vào ngày 08/03/2006 và đã nhanh chóng trở thành niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần thông tim can thiệp kịp thời, điều trị loạn nhịp tiên tiến hoặc điều trị nội khoa hiệu quả.





CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

- Tên giao dịch: **TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **TAM DUC CO.**
- Địa chỉ: Số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tel: 1900 561539 Fax: (028) 54110029
- Website: www.tamduchearthospital.com
- Mã số doanh nghiệp: 0302668322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 16/7/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 31/10/2025.
- Vốn điều lệ: 155.520.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).
- Người đại diện theo pháp luật của công ty:
TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU, Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức là công ty đại chúng theo Công văn số 08/UBCK-QLPH ngày 17/01/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua Quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu: 15.552.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

SỨ MỆNH

“Bệnh viện Tim Tâm Đức ra đời là để chia sẻ gánh nặng với Viện Tim, là niềm hy vọng sống của những người mắc bệnh tim, cần mổ để được sống, cần thông tim can thiệp kịp thời và điều trị nội khoa hiệu quả”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“Tâm và Đức”

TẦM NHÌN

“Chất lượng thế giới vì trái tim Việt Nam”



TS.BS Nguyễn Ngọc Chiêu
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

1. PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Từ 08/3/2006 đến 31/12/2025, sau 20 năm hoạt động, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã khám và điều trị ngoại trú cho 1.475.027 người bệnh; điều trị nội trú 90.406 người bệnh, trong đó khoảng 50% đến từ các tỉnh miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Bệnh viện đã thực hiện phẫu thuật cho 12.150 trường hợp mắc bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim và bệnh mạch vành; thông tim can thiệp cho 26.418 trường hợp; khảo sát điện sinh lý và đặt máy tạo nhịp cho 5.005 trường hợp.

Đặc biệt trước đây những người nước ngoài đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam khi mắc bệnh tim thường phải chuyển ra nước ngoài để cấp cứu và điều trị, vừa phức tạp, nguy hiểm vừa tốn kém. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhiều người nước ngoài đến từ Mỹ, Canada, Pháp, Nga, Ý, Anh, Đức, Nhật, Úc, New Zealand, Hàn quốc, Ấn độ, Đài loan, Singapore, Lào, Campuchia... khi gặp các vấn đề tim mạch đã tin tưởng lựa chọn Tâm Đức để được cấp cứu, thông tim can thiệp, điều trị loạn nhịp và phẫu thuật bắc cầu động mạch vành.

Ngoài hoạt động khám, chữa bệnh, Bệnh viện Tim Tâm Đức luôn quan tâm chăm lo cho người bệnh nghèo, để họ cũng có cơ hội được chữa trị. Không chỉ những người có khả năng chi trả chi phí mới được mổ tại Bệnh viện Tim Tâm Đức mà nơi đây còn là địa chỉ tin cậy được các tổ chức từ thiện, Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo của nhiều tỉnh, thành trên cả nước tin tưởng gửi các cháu mắc bệnh tim bẩm sinh đến phẫu thuật. Tổng số các cháu được phẫu thuật tim do BHYT, các tổ chức và cá nhân từ thiện tài trợ đóng thay chi phí từ lúc Bệnh viện bắt đầu hoạt động đến 31.12.2025 là 7.070 trường hợp chiếm tỷ lệ 58% tổng số bệnh nhân được mổ (7.070/12.150), với tổng số tiền được tài trợ lên đến 461,8 tỷ đồng.

Bên cạnh công tác điều trị, Bệnh viện luôn coi trọng công tác hỗ trợ chuyên môn và đào tạo liên tục. Bệnh viện đã và đang tích cực hỗ trợ đào tạo nhân lực chuyên sâu cho nhiều bệnh viện bạn trên khắp cả nước và quốc tế, bao gồm: Bệnh viện Đa khoa An Giang, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ, Bệnh viện Thống nhất Đồng Nai cũng như các đối tác từ Indonesia và Campuchia... Bệnh viện Tim Tâm Đức còn phối hợp với Hội Nhịp Tim Học TP.HCM và Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch tổ chức thành công các lớp học chuyên đề về điện tâm đồ (ECG), giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng cho các đồng nghiệp. Ngoài ra, Bệnh viện còn là cơ sở thực hành và thực tập tin cậy cho sinh viên y khoa và các nghiên cứu sinh, tạo điều kiện cho thế hệ tương lai của ngành Y được tiếp cận trực tiếp với các ca bệnh và kỹ thuật điện sinh lý tim hiện đại.

2. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ:

Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được xây dựng 17.322 m² trên diện tích 10.000m² do UBND TP giao đất sử dụng trong 50 năm, khánh thành ngày 08/03/2006.

Ngày 03/02/2005, Tâm Đức được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố cho thuê thêm có trả tiền sử dụng đất hàng năm 5.000 m² ở khu vực phía sau liền kề mở rộng cơ sở để xúng tằm khu vực

Ngày 18/09/2009, Bệnh viện Tim Tâm Đức được phép xây dựng khu vực phía sau gồm 8 tầng, diện tích sàn xây dựng: 7.067m² để phát triển thêm 2 khu hồi sức nội và ngoại với 40 giường hồi sức; 2 phòng can thiệp tim mạch; 1 phòng khám số 2 có khả năng khám và điều trị ngoại trú cho 250 bệnh nhân/ngày và 3 Khoa điều trị mới với 80 giường.

Dự án đã được khởi công ngày 21/06/2010, hoàn thành vào cuối tháng 9/2011, hoạt động từ tháng 10.2011.

Đến nay, Tâm Đức có 02 khu khám ngoại trú, 250 giường nội trú, 6 khoa điều trị nội và ngoại tim mạch, khu khám bệnh, điều trị và hồi sức đặc biệt, 02 phòng Thông tim can thiệp, 01 phòng Điện sinh lý tim, 03 phòng mổ, 02 khoa Hồi sức tim mạch và khu thăm dò chức năng tim mạch với 02 MSCT.



Bệnh viện tim Tâm Đức nhìn từ trên cao - Google Maps

3. PHÁT TRIỂN VỐN ĐIỀU LỆ:

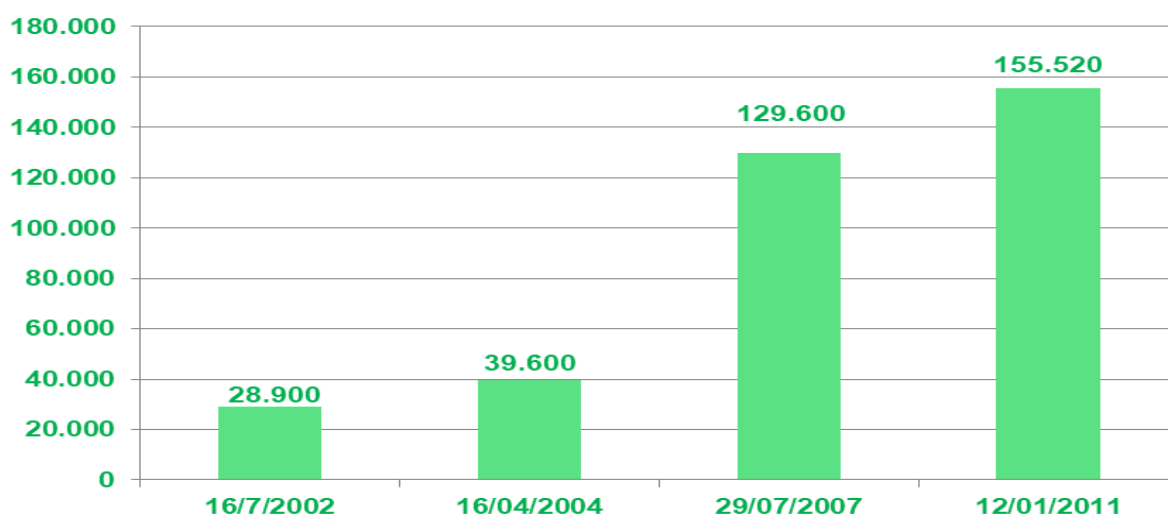
Công ty được thành lập ngày 16/07/2002 vốn điều lệ ban đầu là 28,9 tỷ đồng.

Đã có 2 đợt tăng vốn điều lệ trong các năm 2004 và 2007 theo các nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông.

Ngày 24/04/2010, Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 25,92 tỷ đồng từ các cổ đông hiện hữu. Ngày 12/01/2011, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (theo Giấy chứng nhận chào bán số 733/UBCK-GCN ngày 16/11/2010 của UBCKNN), vốn điều lệ hiện nay là 155,52 tỷ đồng. Tổng số cổ đông đến ngày 31.12.2025 là 275, có 05 cổ đông cá nhân nước ngoài, sở hữu 22.600 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ; 03 cổ đông tổ chức nước ngoài, sở hữu 40.400 cổ phiếu, chiếm 0,26% vốn điều lệ.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỀ VỐN GÓP CỦA CỔ ĐÔNG

Đơn vị : triệu đồng



Phần II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÂM ĐỨC NĂM 2025 KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC NĂM 2026

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

I. KẾT THÚC KẾ HOẠCH 2024, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2025:

1. Báo cáo tài chính niên độ 2024 ngày 03.03.2025
2. Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2024 do Công Ty TNHH Kiểm Toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC thực hiện ngày 03.03.2025, kết quả tốt.
3. Ban Kiểm soát làm việc với Lãnh đạo Công ty về kết quả hoạt động năm 2024 vào ngày 21.03.2025 nhất trí với kết quả hoạt động và việc thực hiện quy trình quản lý của Công ty.
4. Đánh giá về sức khỏe tài chính của Công ty do Thạc sỹ Phạm Anh Dũng, Thành viên Hội Đồng Quản Trị giám sát về tài chính và một chuyên gia tài chính độc lập đều cho thấy sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt.
5. Xây dựng kế hoạch 2025:

Về chuyên môn:

- Năm 2025, khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tăng 5% so với năm 2024.
- Thông tin can thiệp và Điện sinh lý tim phải đạt trên 2.000.
- Về mổ tim: vì hiện nay số trung tâm mổ tim ở thành phố và cả nước cao hơn nhiều so với các năm trước đó. Vì vậy, Tâm Đức xác định kế hoạch mổ tim của 2025 đạt mức 400, trong đó 60% là trẻ em nghèo cần tài trợ.

Về nhân sự:

- Công tác tuyển dụng chủ yếu nhằm thay thế nhân viên nghỉ việc và bổ sung cho các hoạt động mới. Đồng thời, Tâm Đức tiếp tục đẩy mạnh đào tạo trong nước và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Lương tối thiểu vùng tăng theo quy định nên lương và mức đóng BHXH cao hơn. Do đó, tổng quỹ lương sẽ phải tăng.
- Tâm Đức bảo đảm thưởng cuối năm khi hoàn thành kế hoạch ít nhất là 03 tháng lương cơ bản.

Về tài chính:

Tâm Đức cần tiếp tục tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm và chi phí hợp lý mới có thể đạt kết quả tài chính khả quan.

II. CHUẨN BỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2025:

Hội Đồng Quản Trị đã họp phiên thứ 1 năm 2025 ngày 04.03.2025 để thông qua kết quả hoạt động 2024, kế hoạch 2025, và chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2025.

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 04.03.2025 đã thông qua đánh giá hoạt động năm 2024 và xác định kế hoạch năm 2025 về chuyên môn và tài chính.

Về chuyên môn: tăng 5% so với năm 2024. Riêng hoạt động phẫu thuật, cố gắng đạt mức 400 ca/năm, thông tin can thiệp và điện sinh lý tim đạt trên 2.000 ca/năm.

Về tài chính:

Tổng doanh thu	750 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	92 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	84 tỷ đồng
Cổ tức	33%/mệnh giá

III. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025 NGÀY 25.04.2025:

- Tổng số cổ đông chốt danh sách ngày 27.03.2025: 292
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 113
- Tổng số cổ phần tham dự đại hội: 14.440.122 cổ phần, chiếm tỷ lệ 92,85%.
- Nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông ngày 25.04.2025:

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông 25.04.2025:

1. *Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024, báo cáo kiểm toán niên độ 2024 (100%).*
2. *Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2024 (100%).*
3. *Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2024. Mức chi trả cổ tức 2024 là 33%/mệnh giá như Đại Hội Cổ Đông 2024 ngày 27.04.2024 đã quyết định (100%).*
4. *Thông qua đề xuất ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2025 (100%).*
5. *Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh 2025 (100%).*

Về nhân sự:

Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 19 năm. Đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành, nhưng cần tiếp tục thu dụng và đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật xung yếu như hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, phẫu thuật, thông tim, điện sinh lý tim và chuẩn bị lực lượng lãnh đạo kế thừa.

Về chuyên môn:

Năm 2025, khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tăng ở mức 5% so với năm 2024. Phẫu thuật tim phải đạt mức 400, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 2.000.

Về tài chính:

<i>Tổng doanh thu</i>	<i>750 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>92 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>84 tỷ đồng</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>33%/mệnh giá</i>

6. *Thông qua kế hoạch trích quỹ 2025 (100%).*
7. *Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 (100%).*
8. *Thông qua kết quả bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2029 (100%).*



Bệnh viện Tim Tâm Đức

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 25.04.2025:

Năm 2025, Hội Đồng Quản Trị đã họp 04 phiên như sau:

- Hội Đồng Quản Trị NKVII đã họp ngày 04.03.2025 nhằm đánh giá kết quả hoạt động năm 2024; Chuẩn bị kế hoạch năm 2025; Chuẩn bị tổ chức Đại hội cổ đông năm 2025. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội đồng Quản trị NKVII đã họp ngày 10.04.2025 nhằm đánh giá sơ bộ kết quả tài chính Quý 1 năm 2025; Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội đồng Quản trị NKVII đã họp ngày 15.07.2025 nhằm đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2025 và khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2025; Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025; Thông qua chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2025. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội đồng Quản trị NKVII đã họp ngày 15.10.2025 nhằm đánh giá sơ bộ kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2025; Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự. Tỷ lệ tham dự: 5/5

Cổ tức từ năm 2011-2025:

Năm 2011: cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 20.08.2011; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 10.01.2012; đợt 3: 6% ngày 10.05.2012.

Năm 2012 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 28.08.2012; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 28.12.2012; đợt 3: 6% ngày 11.05.2013.

Năm 2013 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 22.08.2013; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 14.01.2014; đợt 3: 6% chi vào ngày 12.05.2014.

Năm 2014 : cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 15.08.2014; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 20.01.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 22.05.2015.

Năm 2015: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 18.08.2015; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 21.12.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 20.05.2016.

Năm 2016: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1: 10% mệnh giá vào ngày 15.08.2016, tạm ứng cổ tức đợt 2: là 10%/ mệnh giá vào ngày 12.12.2016 đợt 3: 10%/mệnh giá chi vào ngày 29.05.2017.

Năm 2017: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2017, cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 19.01.2018. đợt 3: 13%/mệnh giá chi vào ngày 23.05.2018

Năm 2018: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 08.08.2018, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.01.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 24.05.2019.

Năm 2019: Mức cổ tức 2019 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.08.2019, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.11.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 26.05.2020.

Năm 2020: Mức cổ tức 2020 là 28%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 6%/mệnh giá vào ngày 18.08.2020, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 8%/mệnh giá vào ngày 15.01.2021, đợt 3 là 14%/mệnh giá vào ngày 24.05.2021.

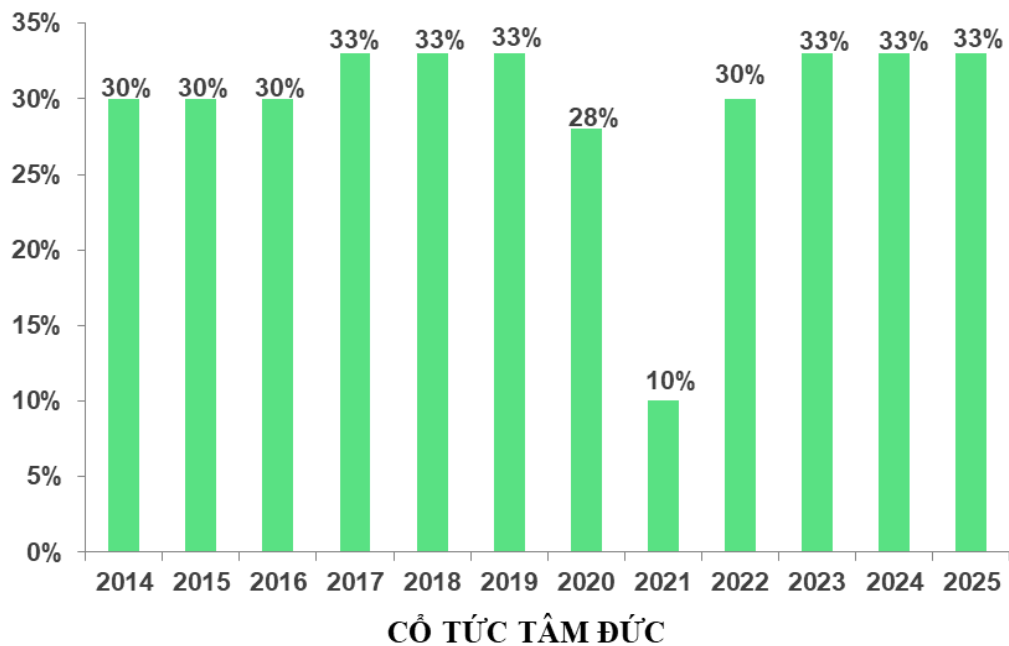
Năm 2021: Mức cổ tức 2021 là 10%/mệnh giá, chi vào ngày 27/5/2022.

Năm 2022: Mức cổ tức 2022 chi trả theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 28.04.2022 là 26%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 18.08.2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 12.01.2023. Nghị quyết ĐHCĐ ngày 28.04.2023 quyết định mức cổ tức của năm 2022 là 30%/mệnh giá. Đợt 3 là 10%/mệnh giá đã chi vào ngày 30.5.2023.

Năm 2023: Mức cổ tức 2023 chi trả theo Nghị quyết ĐHCĐ 28.04.2023 là 30%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2023, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 10.01.2024. Nghị quyết ĐHCĐ ngày 27.04.2024 quyết định mức cổ tức của năm 2023 là 33%/mệnh giá. Đợt 3 là 13%/mệnh giá đã chi vào ngày 28.05.2024.

Năm 2024: Mức cổ tức 2024 chi trả theo Nghị quyết ĐHCĐ 27.04.2024 là 33% mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2024, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 22.01.2025, mức cổ tức còn lại là 13%/mệnh giá vào ngày 28.05.2025.

Năm 2025: Mức cổ tức 2025 chi trả theo Nghị quyết ĐHCĐ 25.04.2025 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 15.08.2025, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 03.02.2026, mức cổ tức còn lại là 13%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông ngày 24.04.2026.



V. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16.11.2020 về công bố thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Tâm Đức đã công bố theo qui định trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện, cổng thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán và gửi Ủy Ban Chứng Khoán, cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và gửi Sở Giao dịch Chứng khoán.

Ngày 03.03.2026, Tâm Đức đã thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Cổ Đông 2026 ngày 24.04.2026.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

1.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2000, lần lượt được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của công ty. Hiện nay Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức có:

Bệnh viện Tim Tâm Đức số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. NHÂN SỰ

1.2.1 NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- | | |
|------------------------------|---|
| 1. TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu | Sáng lập - Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. ThS.BS. Phan Kim Phương | Sáng lập - Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 3. TS.BS. Chu Trọng Hiệp | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 4. ThS. Phạm Anh Dũng | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 5. BS. CKI. Phạm Bích Xuân | Thành viên Hội đồng Quản trị |

2. BAN GIÁM ĐỐC

- | | |
|-----------------------------------|--|
| 1. BS. CKII Đỗ Văn Bửu Đan | Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức
Phó Giám đốc phụ trách Điện sinh lý tim |
| 2. TS. BS. Tôn Thất Minh | Giám Đốc Bệnh viện |
| 3. TS.BS. Chu Trọng Hiệp | Giám Đốc Ngoại tim mạch |
| 4. TS.BS. Đinh Đức Huy | Giám Đốc Nội tim mạch |
| 5. ThS. Phan Thị Thanh Nga | Giám Đốc Tài Chính. Kế toán trưởng |
| 6. PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào | Phó Giám Đốc phụ trách Nội tiết-Chuyên hoá & Dinh dưỡng |
| 7. ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương | Phó Giám Đốc Nội tim mạch can thiệp và Bệnh lý mạch máu |
| 8. BS. CKII Lý Huy Khanh | Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp |
| 9. ThS.BS. Ngô Thị Kim Ánh | Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị ngoại trú |
| 10. BS. CKII Thái Minh Thiện | Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội tim mạch |
| 11. CN. Nguyễn Ngọc An Khôi | Phó Giám Đốc Phát triển thương hiệu |
| 12. CN. Nguyễn Ngọc Như Anh | Phó Giám Đốc Hành chánh |
| 13. CN. Trần Thị Thanh Nhân | Phó Giám Đốc Quản trị và Tổ chức nhân sự |
| 14. ThS. Nguyễn Văn Chung | Phó Giám đốc Công nghệ thông tin |

3. BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|---------------------------|------------|
| 1. CN. Nguyễn Đức Tuấn | Trưởng Ban |
| 2. Bà. Bùi Thúy Kiều | Thành viên |
| 3. BS. Lê Thị Huyền Trang | Thành viên |

1.2.2. NHÂN SỰ:

Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2025 là: 537 người, thành phần như sau:

Stt	Chức danh	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tỷ lệ %
1	Phó Giáo sư	2	1	1	1	1	1	0.19
2	Tiến sĩ	4	4	5	5	6	6	1.12
3	Thạc sĩ y khoa	25	21	21	19	19	20	3.72
4	Chuyên khoa I	32	19	22	26	30	32	5.96

5	Chuyên khoa II	8	7	12	11	12	11	2.05
6	Bác sĩ	22	17	13	10	6	11	2.05
7	Thạc sĩ dược khoa	1	0	0	0	0	0	0.00
8	Dược sĩ CKI		1	2	2	2	3	0.56
9	Dược sĩ	6	5	9	9	9	8	1.49
10	Dược cao đẳng	2	5	6	10	12	15	2.79
11	Dược trung cấp	20	13	9	7	4	4	0.74
12	Dược tá	1	1	1	1	1	1	0.19
13	Điều dưỡng	227	177	208	204	199	197	36.69
14	KTV	36	33	31	32	32	32	5.96
15	Y công	75	65	72	72	74	74	13.78
16	Thạc sĩ khác	3	2	2	2	3	5	0.93
17	Đại học khác	39	33	38	39	45	45	8.38
18	Cao đẳng	12	12	13	15	14	16	2.98
19	Trung cấp	16	14	11	11	9	8	1.49
20	Khác	52	67	70	71	49	48	8.94
Tổng số		584	496	546	547	527	537	100

Năm 2025, tổng số nhân sự là 537, tương đương năm 2024 (537/527). Hiện nay 86% bác sĩ là bác sĩ sau đại học.

Điều dưỡng là lực lượng rất quan trọng trong chăm sóc bệnh nhân. Số điều dưỡng và Kỹ thuật viên hiện nay là 229 (tương đương năm 2024), 65% điều dưỡng và kỹ thuật viên là đại học và sau đại học (1 tiến sĩ điều dưỡng, 3 CKI điều dưỡng, 2 thạc sĩ điều dưỡng, 1 thạc sĩ kỹ thuật viên, 118 cử nhân điều dưỡng, 24 cử nhân kỹ thuật viên).

Tỷ lệ điều dưỡng/bác sĩ là 2,8.

1.3. BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ BẢO HIỂM Y TẾ CHO NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2025, 524 nhân viên được đóng BHXH.

Tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 là 13.142.622.916 đồng (Trong đó Công ty đóng 8.830.682.557 đồng (67,19%), người lao động đóng 4.311.940.359 đồng (32,81%)).

1.4. LƯƠNG THUỞNG

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng quỹ lương	Tổng chi phí	Tỷ lệ %
2020	129.751.596.701	513.361.730.442	25,3%
2021	110.090.672.126	421.227.684.822	26,1%
2022	169.984.514.502	624.117.890.702	27,2%
2023	177.539.574.197	655.865.780.754	27,0%
2024	181.539.720.831	690.390.252.999	26,2%
2025	186.680.943.688	737.856.206.936	25,3%

Tổng quỹ lương năm 2025 là 186.680.943.688 tỷ, chiếm 25,3% tổng chi phí.

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Năm 2025, Tâm Đức thực hiện mục tiêu chất lượng điều trị và sự hài lòng của người bệnh, công suất hoạt động ổn định so với năm 2024.

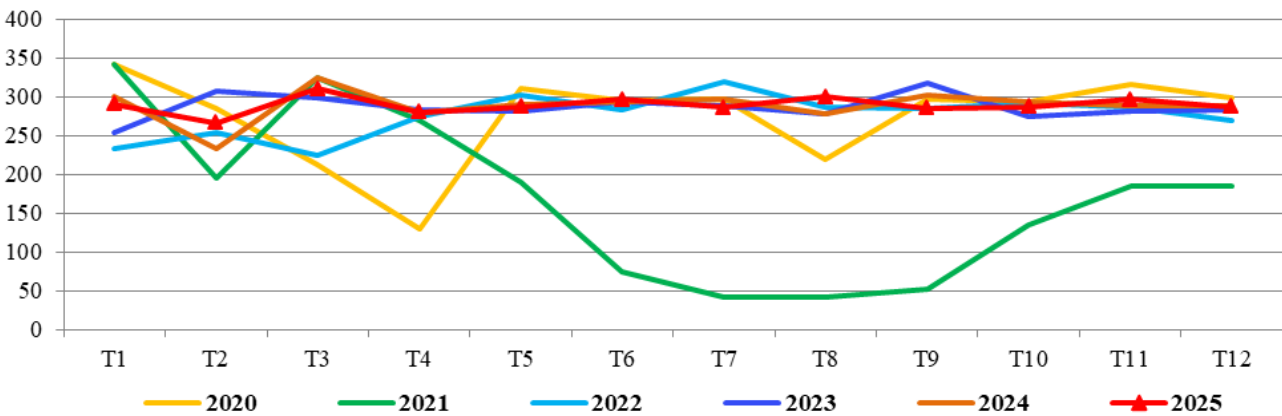
2.1. KHU KHÁM BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ CỦA BỆNH VIỆN

a. Khu khám bệnh:

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Khám tim:	74.868	46.450	76.062	78.296	80.010	80.140
Khám chuyên gia theo yêu cầu	29.914	18.614	25.596	26.754	25.605	24.018
Khám thường quy	35.870	18.822	31.057	31.145	32.728	34.286
Khám khu VIP	9.084	9.014	19.409	20.397	21.677	21.836
Hội chẩn ngoại	230	56	491	293	237	122
Hội chẩn nội	202	47	91	296	283	135
Khám nội tiết	1.190	601	773	976	898	686
Tổng cộng	80.537	48.258	77.417	79.861	81.428	81.083

Năm 2025, hoạt động khám bệnh tương đương năm 2024 (81.083/ 81.428). Mỗi ngày có khoảng 300 người bệnh đến khám, trong đó 17% là bệnh nhân mới.

Biểu đồ 01: Số lượt bệnh nhân khám bình quân/ngày từ 2020 đến 2025



b. Khu Điều trị Đặc biệt:

Khu Hồi sức đặc biệt và Khu Khám điều trị đặc biệt dành cho những bệnh nhân có nhu cầu được chăm sóc và điều trị theo yêu cầu cao, bắt đầu hoạt động từ ngày 09.10.2018, đã có kết quả rất tích cực.

Khu Điều trị Đặc biệt				Khu Chăm sóc Đặc biệt	
	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị		Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị
		Bệnh nội trú	Bệnh ngoại trú		
2018	58	276	361	67	457
2019	316	1434	4949	242	1884
2020	300	1429	9084	181	1691
2021	233	1217	9010	179	1300
2022	446	2224	19409	553	1248

Khu Điều trị Đặc biệt				Khu Chăm sóc Đặc biệt	
	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị	Bệnh ngoại trú	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị
2023	406	1941	20397	565	1495
2024	237	1399	21677	313	1710
2025	245	1218	21836	363	1830
Tổng	2241	11138	106723	2463	11615

Năm 2025, người bệnh ngoại trú ở Khu Khám Đặc biệt là 21.836 ca tương đương năm 2024 (21.677 ca). Người bệnh chọn khám ở Khu điều trị đặc biệt đạt 40% đối với bệnh nhân mới và 25% đối với bệnh nhân tái khám. Kết quả này thể hiện sự hài lòng của người bệnh và góp phần tích cực về mặt tài chính.

2.2. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ

a. Bệnh nhân nhập viện:

	2020		2021		2022		2023		2024		2025	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TP.Hồ Chí Minh	1.702	41	1.681	57	1.766	40	1.779	38	1.695	39	1.880	41
Tỉnh phía Nam	2.022	49	1.049	35	2.110	48	2.163	46	1.867	43	1.750	38
Tỉnh miền Trung	308	8	146	5	357	8	475	10	488	11	585	13
Tỉnh phía Bắc	13		4		40	1	31	1	30	1	52	1
Nước ngoài	75	2	74	3	144	3	223	5	264	6	298	7
Cộng	4.120	100	2.954	100	4.417	100	4.671	100	4.344	100	4.565	100

Năm 2025, bệnh nhân nội trú tăng 5% so với năm 2024 (4.565/ 4.344).

Bệnh nhân của Tâm Đức chủ yếu ở TP. Hồ Chí Minh (41%) và các tỉnh phía Nam (38%). Bệnh nhân là người nước ngoài nhiều quốc tịch đã khám ở Tâm Đức tăng qua các năm; năm 2020, 2021 có giảm do dịch Covid (2018: 1.459; năm 2019: 2.671; năm 2020: 1185; năm 2021: 1.064; năm 2022: 1.780; 2023: 2.494; 2024: 2.931; 2025: 3.374). Năm 2025, Tâm Đức ghi nhận 3.374 lượt khám ngoại trú của người nước ngoài, chiếm 4,2% tổng lượt khám ngoại trú. Điều trị nội trú, có 298 trường hợp người nước ngoài, chiếm 6,5% tổng số bệnh nhân nội trú của Tâm Đức, bao gồm Úc, Canada, Campuchia, Nhật, Trung Quốc, Hàn quốc, Ấn Độ, Philippine, Singapore, Mỹ, Đài Loan, New Zealand, Pháp.

b. Tổng số ngày nằm viện

Năm	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số ngày nằm viện	32.356	24.848	36.188	33.020	29.784	29.845

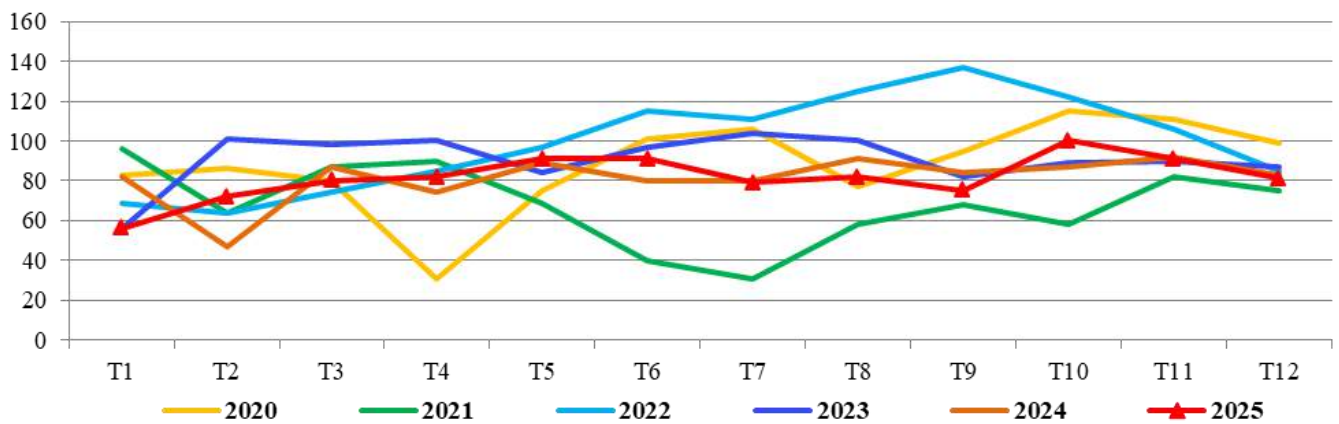
Tổng số ngày nằm viện năm 2025 tương đương so với năm 2024.

c. Số ngày điều trị trung bình

Khoa	Số ngày điều trị trung bình					
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Nội tim mạch 1	4,55	4,56	4,79	4,21	4,35	3,94
Điều trị đặc biệt	4,7	5,55	4,97	4,74	4,67	3,84
Nội tim mạch 2	3,88	5,28	3,71	3,17	3,16	3,09
Nội tim mạch 3	5,82	5,87	7,44	6,11	5,52	5,61
Nội tim mạch 4	7,07	8,68	6,31	6,2	5,48	5,08
Nội tim mạch 5	7,22	8,49	10	8,74	8,37	7,5
Nội tim mạch - mạch máu	4,66	5,75	4,93	4,22	4,04	3,81
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	7,64	9	7,16	6,33	6,22	5,5
Cấp cứu	1,45	1,23	4,1	4,25	2,50	0
Ngoại tim mạch	9,9	9,33	9,87	8,91	9,31	7,29
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	4,64	6,3	5,44	5,14	6,27	5,48

Số ngày điều trị trung bình ổn định qua các năm. Số ngày điều trị trung bình của khối Nội dao động từ 3-7 ngày, trong đó phần lớn các khoa ở mức 3-5 ngày. Ngoại tim mạch là 7 ngày, Hồi sức ngoại là 5 ngày. Ngày điều trị trung bình ở Hồi sức ngoại tăng là do những năm sau này, trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh đến Tâm Đức đa số là các trường hợp rất nặng.

Biểu đồ 02: Số bệnh nhân nằm viện bình quân/ngày từ 2020 đến 2025



2.3 THÔNG TIN CAN THIỆP

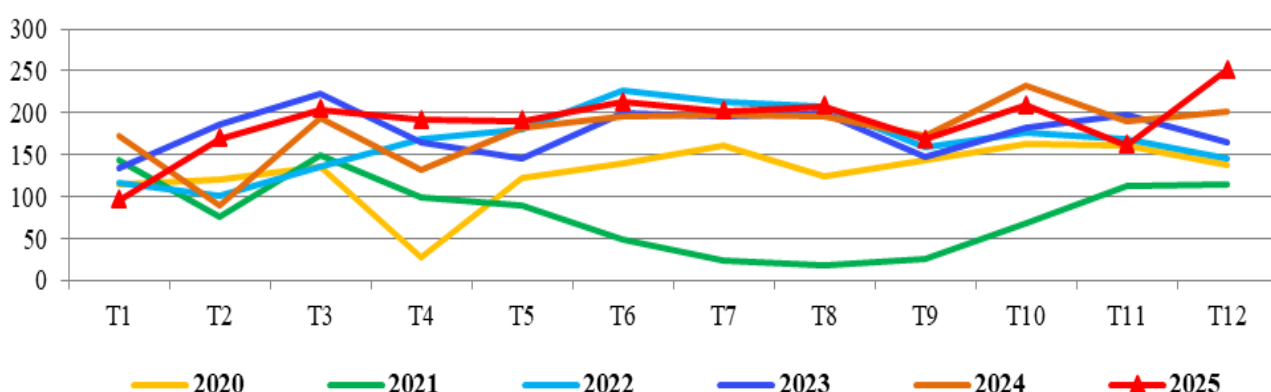
Năm	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1.Mạch vành	1.125	724	1.463	1.566	1.481	1.551
Chụp mạch vành	750	471	978	1048	940	973
Nong mạch vành	375	253	485	518	541	578
2.Mạch máu	65	22	55	59	68	86
Chụp chẩn đoán m/ máu ngoại biên	9	3	8	11	10	9
Can thiệp mạch máu ngoại biên	6	1	3	1	1	0
Can thiệp mạch máu	7	0	1	0	0	0
Nong động mạch thận	0	0	1	0	0	0
IVUS	38	18	33	36	49	68
Can thiệp động mạch cảnh	2	0	4	3	2	3
Can thiệp động mạch chủ, bụng, ngực	3	0	2	4	3	3
Can thiệp động mạch chậu/dưới đòn/đùi	0	0	3	4	3	3
3.Nong van 2 lá bằng bóng	3	0	1	0	0	0
4. Nong van 2 lá bằng mitral clip	0	0	0	0	0	0
5. Thay van động mạch chủ qua da	0	0	0	0	0	0
6. Thay van động mạch phổi qua da	2	0	0	0	0	0
7. Tim bẩm sinh	101	19	80	53	63	52
Đóng ống động mạch	7	0	7	4	7	5
Đóng thông liên nhĩ	36	8	46	34	42	34
Đóng lỗ bầu dục			1	0	1	0
Chụp mmáu tbs	5	0	0	0	0	0
Đo kháng lực mạch máu phổi	0	0	5	0	0	0
Nong van động mạch phổi bằng bóng	4	2	7	4	6	4
Đo kháng lực mmáu phổi + chụp mm	42	8	6	9	6	7
Đo FFR	2	0	0	0	0	0
Đốt vách liên thất bằng cồn	4	1	1	0	0	0
Dò động mạch vành	0	0	0	1	0	1

Đặt stent động mạch phổi	1	0	1	0	0	0
Khoan tổn thương vô hóa (ROTA)	0	0	6	1	1	1
8. Kỹ thuật khác				44	77	66
Đặt bóng đối xung ĐMC:				20	19	36
+ TTCT						17
+ REA						17
+ ICU						2
Đặt máy tạo nhịp tạm thời (TTCT)				12	23	7
Soi van				12	31	23
Chụp và nút mạch mạc treo					2	0
Đóng các lỗ rò động mạch - tĩnh mạch					2	0
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7+8)	1.296	765	1.599	1.722	1.689	1.755

Năm 2025, thông tim can thiệp tăng 4% so với năm 2024 (1.755/1.689).

Kỹ thuật thông tim can thiệp ổn định và phát triển tốt trong nhiều năm và cứu sống được nhiều người bệnh trong 6 giờ vàng và đã phát triển thêm các kỹ thuật mới như đặt stent graft can thiệp động mạch chủ bụng, đặt stent động mạch phổi, khoan tổn thương vô hóa động mạch vành từ tháng 10.2022. Hiện nay các kỹ thuật thường quy của thông tim can thiệp là can thiệp động mạch vành, can thiệp động mạch cảnh, can thiệp mạch máu ngoại biên, can thiệp bệnh tim bẩm sinh, đóng thông liên nhĩ, đóng ống động mạch, đóng thông liên thất, đóng rò mạch vành, đốt nhánh xuyên vách liên thất bằng cồn, nong van 2 lá bằng bóng, bít lỗ bầu dục qua da, nong van động mạch phổi bằng bóng.

Biểu đồ 03: Số ca thông tim can thiệp và điện sinh lý tim hàng tháng từ 2020 đến 2025



2.4 ĐẶT MÁY TẠO NHỊP – KHẢO SÁT ĐIỆN SINH LÝ TIM

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Đặt máy tạo nhịp tạm thời (ĐSL)	7	8	19	10	1	1
Đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn	46	66	74	89	117	95
Đặt máy ICD	42	21	30	23	24	32
Thay dây máy tạo nhịp	1	3	11	4	5	9
Khảo sát điện sinh lý	57	24	55	38	43	39
Khảo sát cắt đốt DSL	76	54	101	102	103	104
Thay máy PM	0	1	23	23	14	33
Cắt đốt bằng mapping 3D	22	26	85	113	134	178
Chụp mạch vành cùng lúc đặt PM				24	20	16
Tổng cộng	251	203	398	426	461	507

Năm 2025, *tăng 10%* so với năm 2024 (507/461). Kỹ thuật mới đã phát triển, cắt đốt bằng mapping 3D điều trị nhịp nhanh trên thất giảm thời gian chiếu tia X, kỹ thuật đặt máy tạo nhịp từ bó His giảm tỷ lệ suy tim về lâu dài, thành công tốt đẹp.

Cuối tháng 6 năm 2023, Tâm Đức có thêm 1 Hệ thống lập bản đồ tim 3D Carto của hãng Johnson & Johnson bên cạnh hệ thống 3D Ensight Velocity (của hãng Abbott) đang có sẵn. Từ tháng 6/2023 đến nay đã thực hiện được 116 ca thành công với hệ thống Carto, giúp bệnh nhân có nhu cầu khảo sát và cắt đốt 3D không phải chờ đợi như trước.

2.5 PHẪU THUẬT

PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT

	2020		2021		2022		2023		2024		2025	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>CF (mổ tim kín)</i>	17	5	3	2	12	3	13	3	8	2	0	0
<i>CO (mổ tim hở)</i>												
<i>I</i>	43	12	9	5	66	15	67	15	41	11	20	7
<i>II</i>	27	8	10	6	20	4	26	6	21	5	14	5
<i>III</i>	52	15	24	15	56	12	65	15	45	13	33	12
<i>IV</i>	82	22	42	25	115	26	75	17	62	18	63	23
<i>V</i>	70	20	36	22	69	16	66	15	78	22	61	23
<i>Đặc biệt</i>												
<i>MM (mạch máu)</i>												
<i>I</i>	3	1	3	2			2	1	3	1	0	0
<i>II</i>	3	1	3	2			1	0	0	0	1	1
<i>III</i>	0		0	0			0	0	0	0	1	1
<i>IV</i>	0		0	0			0	0	2	1	0	0
<i>PO (bắc cầu)</i>												
<i>PO1-2</i>	5	1	4	2	7	1	22	5	7	2	13	5
<i>PO3</i>	23	6	14	8	54	12	50	11	40	11	26	9
<i>PO4</i>	34	9	17	10	38	9	47	11	46	13	36	13
<i>PO5</i>		0	0	0	1	1	6	1	0	0	2	1
<i>Khác</i>			1	1	5	1	2	0	2	1	0	0
Tổng số	359	100	166	100	443	100	442	100	355	100	270	100

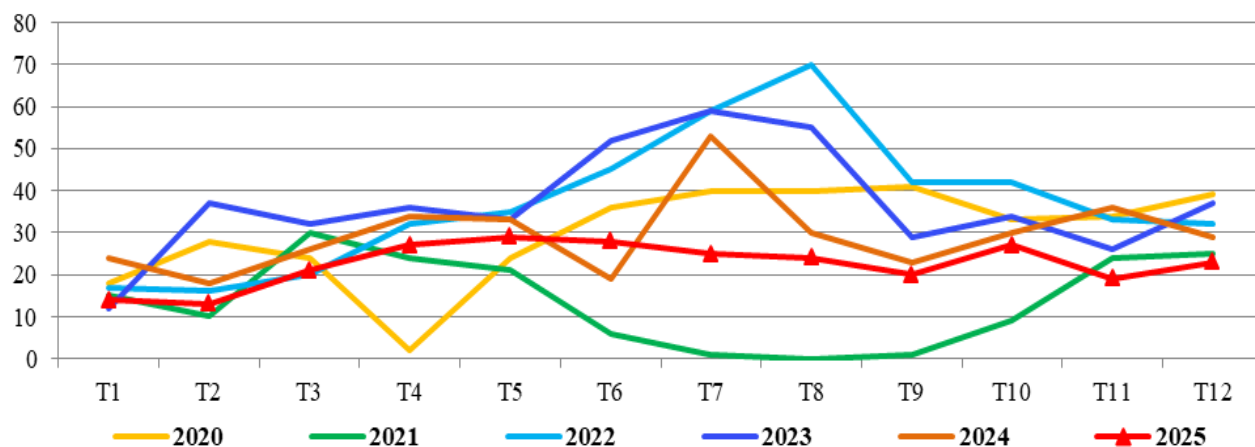
PHÂN LOẠI BỆNH LÝ

	2020		2021		2022		2023		2024		2025	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Bẩm sinh</i>	185	52	70	42	170	38	158	36	139	39	72	27
<i>Van tim</i>	95	26	51	31	154	35	148	33	110	31	114	42
<i>Bắc cầu</i>	65	18	37	22	107	24	124	28	94	27	77	28
<i>Khác</i>	8	2	3	2	11	2	9	2	7	2	5	2
<i>Mạch máu</i>	6	2	5	3	1	1	3	1	5	1	2	1
Tổng số	359	100	166	100	443	100	442	100	355	100	270	100

Năm 2025, Tâm Đức đã tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và các nhà tài trợ. Tâm Đức đã đến các tỉnh Ninh Thuận, Cà Mau, Kiên Giang, Trà Vinh, Phú Yên, An Giang khám 6.252 ca (2024: 7.456), trong đó 48 ca có chỉ định phẫu thuật. Năm 2025, Tâm Đức đã mổ được 64 ca, chiếm 23,7% tổng số ca phẫu thuật năm 2025 (64/270). Tổng số tiền giúp đỡ *đóng thay cho các em* của các tổ chức trong nước, ngoài nước và cá nhân tài trợ là 7.520.583.514 đồng (2024: 15.770.483.100 đồng).

Hoạt động phẫu thuật năm 2025, đã mổ 270 trường hợp, giảm 24% so với năm 2024 (270/355).

Biểu đồ 04: Số ca phẫu thuật hàng tháng từ 2020 đến 2025



ThS.BS. Phan Kim Phương
Sáng lập, Cố vấn chuyên môn, Thành viên Hội đồng Quản trị
Phẫu thuật viên tim Bệnh viện Tim Tâm Đức
Chủ nhiệm Chương trình Mô Tim Từ Thiện (MT3)

2.6. CẬN LÂM SÀNG

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Xét nghiệm	671.022	490.125	837.391	813.761	834.086	864.516
X-Quang	20.517	14.990	27.805	22.701	20.785	19.736
ECG	33.119	23.360	46.954	42.440	40.815	40.269
ECG Gắng sức	3.766	2.418	4.727	3.709	3.213	3.076
Siêu âm tim	35.208	24.762	48.329	36.082	35.246	34.839
Siêu âm bụng	7.137	5.054	12.870	12.523	13.683	14.657
Siêu âm phần mềm	-	-	-	74	91	88
Siêu âm tim thai	219	267	134	266	282	219
Siêu âm mạch máu	10.472	7.573	18.444	17.790	17.367	18.322
Siêu âm Dobutamine	884	301	436	476	390	394
Siêu âm thực quản	201	95	217	247	244	316
Siêu âm hạch vùng cổ	-	-	-	7	13	12
Holter ECG	2.185	1.640	2.785	2.951	2.926	3.065
Holter HA	439	408	573	483	625	458
Đo nhãn áp	1.090	289	443	457	365	391
KT máy tạo nhịp	786	666	1.014	1.105	1.269	1.418
Tilt test	103	86	115	140	106	133
Đo INR	672	445	476	334	218	246
Siêu âm tuyến vú	535	396	830	513	938	914
Siêu âm tuyến giáp	1.175	1.081	3.479	3.298	2.601	2.755
Đo vận tốc sóng mạch	2.510	2.330	7.005	5.212	4.552	3.842
Chụp CT	4.145	2.715	5.159	5.090	5.054	4.894
Tổng cộng	798.062	579.551	1.019.186	969.659	984.869	1.014.560

Hoạt động cận lâm sàng năm 2025 tăng 3% so với năm 2024 (1.014.560/ 984.869).

2.7. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Từ tháng 03/2025, Tâm Đức đã tuyển dụng Thạc sĩ Công nghệ thông tin để đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng CNTT.

- Bệnh án điện tử (EMR): Được Bộ Y tế thẩm định và công bố chính thức vào ngày 15/09/2025. Hiện hệ thống đang trong giai đoạn vận hành, hiệu chỉnh và hoàn thiện. Định hướng đến năm 2026, bệnh viện sẽ trở thành bệnh viện không giấy.
- Quy hoạch hạ tầng server: Triển khai SQL Cluster, chuyển HIS qua server mới. Kết quả vận hành ổn định.

- Chữ ký số: Hoàn thành triển khai chữ ký số Softdream (SignServer, EasySign API). Bác sĩ đã ký số trên bệnh án và y lệnh; hiển thị đầy đủ ngày, giờ, phút, giây theo quy định. Đang vận hành ổn định.
- Kết nối liên thông đơn thuốc quốc gia: Hoàn tất kết nối và truyền dữ liệu từ tháng 6/2025. Đã hướng dẫn khoa Dược thao tác, vận hành thường xuyên. Đảm bảo dữ liệu đơn thuốc đồng bộ với Cổng đơn thuốc quốc gia.
- An toàn thông tin: Quản lý server tập trung, xây dựng lịch backup/restore.
- Dự kiến trong tháng 3/2026 sẽ hoàn thành việc xây dựng website đồng bộ đặt lịch khám.
- Phối hợp với các bộ phận liên quan triển khai KIOS thông minh và thanh toán không tiền mặt, dự kiến hoàn thành trong tháng 3/2026.

2.8. TRUYỀN THÔNG

Nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông bệnh viện chuyên nghiệp và tăng cường mối quan hệ với người bệnh. Phòng Truyền thông đã được thành lập vào ngày 01/3/2024, hoạt động hiệu quả.

Truyền thông nội bộ: Đồng hành cùng Chương trình tư vấn sức khỏe tim mạch hàng tháng; Ngày Quốc tế Điều dưỡng 2025; Ngày Rửa tay; các sự kiện đào tạo Dinh dưỡng và Điều dưỡng; truyền thông Tâm Đức ứng dụng bệnh án điện tử,...

Truyền thông phối hợp từ các đơn vị: Truyền thông Giáo dục sức khỏe 2025 với HCDC; các chương trình của Sở Y tế liên quan đến chích vacxin, sốt xuất huyết; Ngày An toàn người bệnh 2025; Chương trình Xanh-Sạch-Đẹp đạt kết quả tốt,...

Quảng bá thương hiệu: Chương trình tư vấn sức khỏe Xuân an vui; Đồng hành cùng các giải chạy 2025; Chương trình đào tạo CPR với Công ty Grab Viet Nam và các hoạt động quảng bá khác.

2.9. BẢO HIỂM Y TẾ

Bảo hiểm y tế rất quan trọng đến sự phát triển của Tâm Đức. Trong tổng số bệnh nhân có BHYT tại Tâm Đức, bệnh nhân ngoại trú chiếm 85% và bệnh nhân nội trú chiếm 15%. Năm 2025, số ca ngoại trú BHYT đạt 22.626, tăng mạnh so với năm 2024 là 7.660 ca. Nguyên nhân chính là do các quy định mới có hiệu lực từ tháng 01/2025 tạo sự thuận lợi cho người tham gia BHYT lên thẳng các bệnh viện tuyến trên để khám ngoại trú mà không cần giấy chuyển tuyến nếu có chẩn đoán bệnh thuộc nhóm bệnh hiểm nghèo, bệnh cần phẫu thuật (phần lớn bệnh nhân của Tâm Đức thuộc nhóm này). Việc đơn giản thủ tục hành chính về BHYT tạo nhiều thuận lợi cho người bệnh quay lại tái khám theo hẹn và giúp số lượt khám chữa bệnh ngoại trú tăng đều đặn qua các tháng (bình quân 1.800 ca/tháng, tăng gấp 3 lần bình quân lượt khám 2024). Số tiền thanh toán BHYT năm 2025 là 106,5 tỷ đồng, trong đó số tiền thanh toán BHYT ngoại trú 15,8 tỷ đồng, nội trú 90,7 tỷ đồng.

2.10. TRANG BỊ MỚI

Tâm Đức trong quá trình phát triển luôn chú ý trang bị mới phù hợp với khả năng tài chính.

- Máy siêu âm: Hội đồng Quản trị VII.05 ngày 26/12/2024 đã quyết định mua 02 máy siêu âm. Ngày 20/01/2025, ban hành Quyết định 96-25/QĐ-CTTĐ thành lập Ban mua sắm để tiến hành các thủ tục đấu thầu theo phương thức chào hàng cạnh tranh. Hội đồng Quản trị VII.06 ngày 04/03/2025 đã quyết định chọn nhà cung cấp 02 máy siêu âm. Tâm Đức đã nhận bàn giao 01 máy siêu âm Philips từ Công ty Hoàn Châu vào ngày 08/05/2025 và 01 máy siêu âm Canon từ Công ty Trammatco vào ngày 07/07/2025. Máy hoạt động ổn định.
- Lò hấp tiệt trùng: Hội đồng Quản trị VII.06 ngày 04/03/2025 đã quyết định mua 01 lò hấp tiệt trùng. Ngày 14/05/2025, ban hành Quyết định 395-25/QĐ-CTTĐ thành lập Ban mua sắm để thực hiện quy trình mua sắm theo hình thức chào hàng cạnh tranh, tư vấn cho HĐQT quyết định mua lò hấp tiệt trùng phù hợp về tiêu chuẩn kỹ thuật và chi phí hợp lý. Hội đồng Quản trị VII.08 ngày 15/07/2025 đã quyết định chọn mua lò hấp tiệt trùng hiệu Belimed-Thụy sỹ, xuất xứ Slovenia, sản xuất năm 2023 do Công ty Minh Khoa cung cấp, với giá là 2,4 tỷ đồng. Tâm Đức đã nhận bàn giao lò hấp vào ngày 22/08/2025. Máy hoạt động ổn định.
- Giường điện: Hội đồng Quản trị VII.07 ngày 10/04/2025 đã quyết định thay mới giường điện. Tâm Đức đã nhận bàn giao 30 giường điện vào ngày 28/07/2025.

2.11. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN THEO TIÊU CHÍ CỦA BỘ Y TẾ

Ngày 17/04/2025, Sở Y tế đã kiểm tra quản lý chất lượng Bệnh viện Tim Tâm Đức năm 2024, Tâm Đức đã đạt mức 4.37 (Năm 2023: 4.35).

Năm 2025, Phòng Quản lý chất lượng duy trì hoạt động giám sát chất lượng, theo dõi cải tiến các khoa phòng và quản lý sự cố.

Dự kiến Sở Y tế sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng bệnh viện năm 2025 vào Quý 2 năm 2026.

3. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

3.1 Kế hoạch 2025:

Tổng doanh thu : 750 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước thuế : 92 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế : 84 tỷ đồng.
Cổ tức : 33%/mệnh giá.

3.2 Kết quả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2025	So sánh	
				(+/-)	%
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	778.436.638.649	835.932.450.940	57.495.812.291	7,4%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	232.623.238	147.739.061	(84.884.177)	-36,5%
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ [10=(01-02)]	10	778.204.015.411	835.784.711.879	57.580.696.468	7,4%
4. Giá vốn hàng bán	11	607.140.381.333	652.001.684.104	44.861.302.771	7,4%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ [20=(10-11)]	20	171.063.634.078	183.783.027.775	12.719.393.697	7,4%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.342.749.350	7.111.520.931	2.768.771.581	63,8%
7. Chi phí tài chính	22		-	-	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-	
8. Chi phí bán hàng	24	15.761.958.018	13.628.718.661	(2.133.239.357)	-13,5%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	66.800.425.387	70.890.037.329	4.089.611.942	6,1%
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22-24-25)]	30	92.844.000.023	106.375.792.716	13.531.792.693	14,6%
11. Thu nhập khác	31	2.860.272.878	3.202.656.154	342.383.276	12,0%
12. Chi phí khác	32	674.889.059	1.335.766.869	660.877.810	97,9%
13. Lợi nhuận khác [40 = (31 - 32)]	40	2.185.383.819	1.866.889.285	(318.494.534)	-14,6%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50=(30+40)]	50	95.029.383.842	108.242.682.001	13.213.298.159	13,9%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.748.731.229	12.507.287.700	1.758.556.471	16,4%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp [60 = (50 - 51)]	60	84.280.652.613	95.735.394.301	11.454.741.688	13,6%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	70	4.999	5.709	710	14,2%
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	71	4.999	5.709	710	14,2%

Tổng Doanh thu **846.098.888.964đ** (Mã số 10+21+31) tăng 7,73% so với năm 2024 (846 tỷ/ 785 tỷ), vượt 12,8% so với kế hoạch năm 2025.

Tổng chi phí **737.856.206.963đ** (Mã số 11 + 22 + 24 + 25 + 32) tăng 6,88% so với năm 2024 (737 tỷ/ 690 tỷ). Giá vốn hàng bán là 652.001.684.104đ (Mã số 11: bao gồm chi phí thuốc, vật tư y tế, lương bác sỹ, điều dưỡng...) là chi phí trực tiếp, là phần quan trọng nhất chiếm tỷ trọng 88,36% trong tổng chi phí, tỷ trọng này ổn định qua các năm.

Lợi nhuận trước thuế đạt 108,2 tỷ, tăng 13,9% so với năm 2024 (108,2 tỷ/ 95 tỷ), tăng 17,7% so với kế hoạch năm 2025.

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu của năm 2025 là 12,79% (Năm 2024 là 12,1%).

Năm 2025 doanh thu tăng nhưng tỷ lệ tăng chi phí thấp hơn so với năm 2024. Chi phí tăng thấp hơn do nguyên nhân chính là giảm chi phí suất ăn cho bệnh nhân và nhân viên giảm do Tâm Đức chuyển đổi hình thức tổ chức cung ứng suất ăn từ T10/2024. Bên cạnh đó doanh thu tài chính tăng hơn do tăng lượng tiền gửi có kỳ hạn cũng góp phần làm lợi nhuận tăng.

3.3 Cân đối kế toán Tài sản & Vốn

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	31.12.2024	31.12.2025	(%)
A. Tài sản ngắn hạn	236.952.381.558	277.970.712.697	17%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	76.764.812.048	57.623.533.672	-25%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.077.004.732	157.570.805.331	62%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	22.271.657.679	14.015.649.193	-37%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.086.600.931	4.000.108.643	-2%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.501.118.570	357.180.879	-95%
6. Phải thu ngắn hạn khác	12.999.871.552	11.230.428.180	-14%
IV. Hàng tồn kho	39.285.982.788	46.637.903.079	19%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.552.924.311	2.122.821.422	37%
B. Tài sản dài hạn	155.778.265.662	164.806.815.718	6%
II. Tài sản cố định	145.430.356.327	154.958.362.342	7%
1. Tài sản cố định hữu hình	140.703.694.960	150.189.290.768	7%
- Nguyên giá	393.362.897.054	405.718.019.166	3%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(252.659.202.094)	(255.528.728.398)	1%
3. Tài sản cố định vô hình	4.726.661.367	4.769.071.574	1%
- Nguyên giá	8.767.952.472	9.007.952.472	3%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(4.041.291.105)	(4.238.880.898)	5%
VI. Tài sản dài hạn khác	10.325.664.795	9.626.208.836	-7%
Tổng Tài sản (A+B)	392.730.647.220	442.777.528.415	13%
NGUỒN VỐN	31.12.2024	31.12.2025	
C. Nợ phải trả	68.613.220.800	83.110.341.129	21%
I. Nợ ngắn hạn	68.583.220.800	83.080.341.129	21%
II. Nợ dài hạn	30.000.000	30.000.000	
D. Vốn chủ sở hữu	324.117.426.420	359.667.187.286	11%
I. Vốn chủ sở hữu	324.117.426.420	359.667.187.286	11%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.407.488.000	1.407.488.000	

8. Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.855.123.878	2.638.700.638	42%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	148.731.346.805	183.497.530.911	23%
Tổng Nguồn vốn (C+D)	392.730.647.220	442.777.528.415	13%
Tồn quỹ	31.12.2024	31.12.2025	
Tiền mặt tại quỹ	333.700.424	750.159.442	
Tiền tại Ngân hàng	173.508.116.356	214.444.179.561	
Tổng cộng	173.841.816.780	215.194.339.003	

Tiền và các khoản tương đương tiền giảm nhưng Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng do tăng lượng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

Các khoản phải thu ngắn hạn giảm do nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng được thanh toán và Bảo hiểm y tế cấp kinh phí kịp thời. Bên cạnh đó khoản Trả trước cho người bán ngắn hạn giảm là do giảm khoản tạm ứng mua Hệ thống DSA được đầu tư theo nghị quyết số 01.2024/NQ-ĐHCD ngày 27.04.2024.

Hàng tồn kho tăng để đáp ứng nhu cầu hoạt động tăng làm tăng Nợ phải trả tăng tương ứng.

Tài sản dài hạn tăng chủ yếu là ở mục Tài sản cố định tăng, trong đó chiếm tỷ trọng chính là hệ thống chụp và can thiệp mạch vành (DSA), máy đã được nghiệm thu, đưa vào sử dụng trong T.03/2025. Máy DSA trị giá 19,98 tỷ đồng được mua theo phương thức trả chậm, đến 31/12/2025 đã thanh toán đợt 10/13, nợ còn phải trả là 3,49 tỷ.

Vốn chủ sở hữu tăng do hoạt động năm 2025 tăng làm tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Về Đầu tư tài sản, giá trị khấu hao từ ngày bắt đầu hoạt động 08.03.2006 đến 31.12.2025 là 291,6 tỷ. (Theo quy định những tài sản đã thanh lý và những tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo quy định năm 2013 sẽ ghi giảm khấu hao tương ứng, do đó số liệu khấu hao đến 31.12.2025 trên bảng Cân đối kế toán là 259,7 tỷ). Hiện Tâm Đức vẫn còn có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị là 91,4 tỷ do sử dụng và bảo trì tốt.

Trong suốt quá trình hoạt động từ 2006 đến nay, Tâm Đức đã luôn quan tâm việc đầu tư trang bị mới để kịp thời phục vụ bệnh nhân và đáp ứng nhu cầu phát triển của bệnh viện. Tâm Đức đã đầu tư mua sắm tài sản cố định qua các năm là 255 tỷ.

Năm 2025, ngoài hệ thống chụp và can thiệp mạch vành (DSA), Tâm Đức đã đầu tư trang bị thêm 1 lò hấp tiệt trùng, 2 máy siêu âm, thay thế 36 giường điện mới tại các phòng bệnh nội trú và khu hồi sức để thay thế giường đã cũ nhằm nâng cao chất lượng điều trị, tăng sự hài lòng của người bệnh và hiện đại hóa cơ sở vật chất; mua mới 1 server để thực hiện quy hoạch và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu của Bộ y tế về việc hoàn tất bệnh án điện tử; và một số máy móc thiết bị thay thế khác.

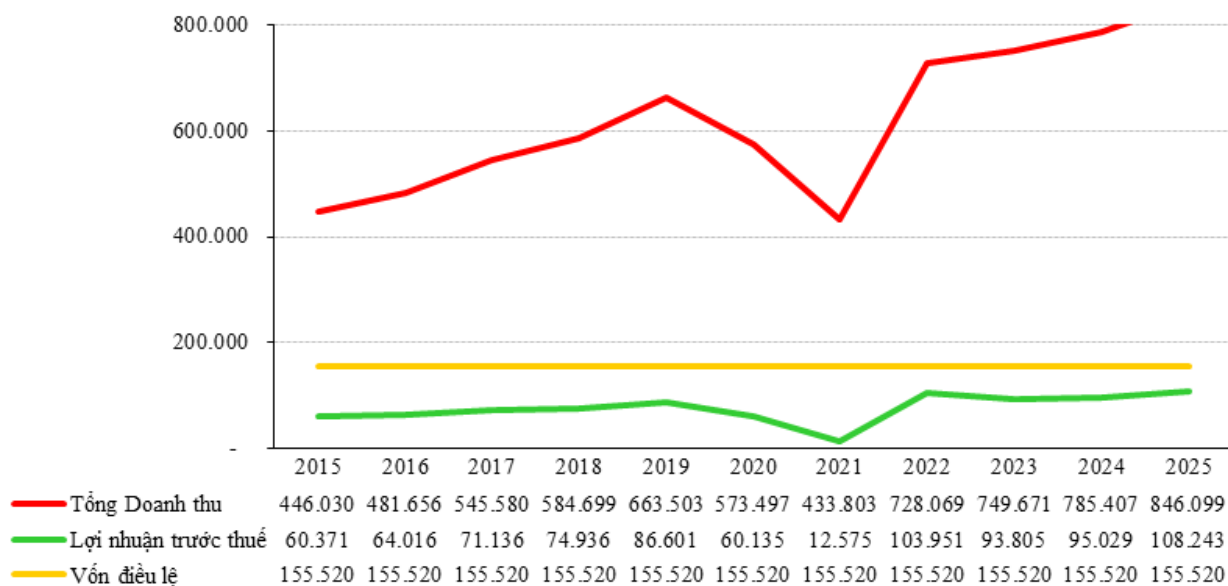
3.4 Sức khỏe tài chính

STT	CHỈ TIÊU	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Cơ cấu tài sản (%)						
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	41,1%	35,5%	51,7%	54,0%	60,3%	62,8%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	58,9%	64,5%	48,3%	46,0%	39,7%	37,2%
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)						
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	19,1%	18,6%	19,5%	21,2%	17,5%	18,8%
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	23,5%	22,9%	24,2%	26,8%	21,2%	23,1%
3	Khả năng thanh toán (lần)						
	- Khả năng thanh toán nhanh	1,5	1,2	2,1	2,0	2,9	2,8
	- Khả năng thanh toán hiện hành	2,2	1,9	2,7	2,6	3,5	3,3
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)						
	- Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	10,5%	2,9%	14,3%	12,5%	12,1%	12,8%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	34,3%	7,0%	59,3%	53,4%	54,2%	61,6%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu thể hiện sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt và ổn định qua các năm.

Biểu đồ tăng trưởng một số chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị: Triệu đồng



3.5 Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Đơn vị : đồng

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Thuế VAT	1.015.999.675	1.286.691.749	1.075.467.714	1.607.720.881	1.323.853.219	1.542.420.998
Thuế TNDN	6.431.545.126	4.064.228.585	8.938.338.428	10.212.403.617	10.024.662.698	12.049.129.809
Thuế TNCN	9.241.322.565	7.159.581.770	13.874.181.501	16.806.573.485	17.593.537.028	18.517.229.937
Tổng cộng đã nộp vào NSNN	16.688.867.366	12.510.502.104	23.887.987.643	28.626.697.983	28.942.052.945	32.108.780.744

Tâm Đức thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Bộ Tài chính đã kiểm tra việc kê khai miễn giảm thuế TNDN năm 2010. Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế TNDN, GTGT từ 2002 đến 2006; Thanh tra thuế TNDN, GTGT năm 2007, 2008, 2009; Kiểm tra thuế TNDN, GTGT 2011-2012. Cục thuế Thành phố kiểm tra lại thuế TNDN, GTGT năm 2010 vào cuối năm 2013. Tháng 09/2018, Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế TNDN, GTGT năm 2013 và 2014. Tháng 10/2024 Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, TNDN, TNCN năm 2015 và 2016. Tâm Đức đã được nhận bằng khen của Bộ tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế Tp.HCM về việc chấp hành tốt chính sách và pháp luật thuế các năm 2013, 2014, 2015, 2016. Ngày 20/12/2024, Tâm Đức đã được nhận bằng khen của Cục thuế Tp.HCM về việc chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2023.

3.6 Cổ phiếu, cổ tức

Vốn điều lệ 155,520 tỷ đồng, số cổ phiếu đang lưu hành là 15.552.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng.

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức và quản lý Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23.01.2017. Ngày 06.02.2017 là ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu là 36.000đ/CP.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2010 là 41.947.767.302 đồng. Mức cổ tức chi trả là 25%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 là 47.391.718.003 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012 là 49.122.543.317 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013 là 51.662.557.368 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 là 52.530.012.803 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 là 53.483.207.623 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 là 56.804.368.801 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 là 63.032.416.458 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là 66.611.442.401 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 là 76.980.790.410 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 là 53.288.538.025 đồng. Mức cổ tức chi trả là 28%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 10.825.581.022 đồng. Mức cổ tức chi trả là 10%/mệnh giá, từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 và trích thêm từ lợi nhuận sau thuế của các năm trước.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 là 92.200.961.205 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 là 83.076.575.436 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 là 84.280.652.613 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 là 95.735.394.301 đồng. Mức cổ tức 2025 dự kiến chi trả theo Nghị quyết số 01.2025/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2025 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào tháng 08.2025, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào tháng 02.2026. Mức cổ tức còn lại là 13%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông 24.04.2026.

4. CỔ PHIẾU TÂM ĐỨC (TTD) GIAO DỊCH TRÊN HỆ THỐNG UPCOM:

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định của nhà nước.

Nghị quyết số V.12/NQ-HĐQT ngày 23.06.2016 của Hội Đồng Quản Trị quyết định ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt tư vấn những thủ tục cần thiết để Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt đã được chọn là Công ty tư vấn cho Tâm Đức thực hiện các thủ tục cần thiết để lên sàn Upcom.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm Lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCV-VSD cho Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom theo Quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu. Tâm Đức đã gửi cho các cổ đông thư hướng dẫn thủ tục giao dịch trên sàn upcom ngày 23.01.2017. Thời điểm 23.02.2026, giá cổ phiếu của Tâm Đức trên sàn upcom 141.000 đồng một cổ phiếu nhưng hầu như rất ít giao dịch, Khối lượng cổ phiếu giao dịch năm 2025 là 0,53%.

5. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC 2026:

I. Định hướng:

1. Thu dụng và đào tạo lực lượng bác sĩ chuyên sâu về phẫu thuật, thông tim can thiệp, điện sinh lý tim và cấp cứu hồi sức.
2. Đảm bảo chất lượng khám, điều trị và sự hài lòng của người bệnh.
3. Phát triển hệ thống truyền thông và hệ thống thông tin quản lý bệnh viện.

II. Chỉ tiêu:

1. **Về nhân sự:** Sau 20 năm hoạt động ổn định và phát triển, đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành. Tuy nhiên, cần tiếp tục thu dụng và đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật trọng yếu như hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, phẫu thuật, thông tim và điện sinh lý tim, đồng thời chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt và lực lượng lãnh đạo kế thừa nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

2. Về chuyên môn: Năm 2026, khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tăng ở mức 5% so với năm 2025. Phát triển các kỹ thuật chuyên sâu và duy trì ổn định chất lượng chuyên môn, chỉ tiêu thực hiện gồm phẫu thuật tim 300 ca, thông tim can thiệp 1.500 ca và điện sinh lý tim 500 ca.

3. Về tài chính:

Tổng doanh thu	780 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	95 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	86 tỷ đồng
Cổ tức	20%/mệnh giá

Đại Hội Cổ Đông 2026:

Đại Hội Cổ Đông 2026 sẽ được tổ chức vào ngày 24.04.2026 lúc 8 giờ tại Hội trường Hữu nghị Bệnh Viện Tim Tâm Đức.

Ngày đăng ký cuối cùng: 24.03.2026.

Ngày gửi thông báo triệu tập Đại Hội Cổ Đông và tài liệu họp: 31.03.2026.

Nội dung trình Đại Hội Cổ Đông 2026 thông qua:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động 2025.
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2025.
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025. Mức chi trả cổ tức 2025 là 33% như Đại hội Cổ đông 2025 ngày 25.04.2025 đã quyết định.
4. Thông qua đề xuất ủy quyền Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2026.
5. Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026.
6. Thông qua Kế hoạch trích quỹ 2026.
7. Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức 2026.
8. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026.
9. Thông qua việc khen thưởng người lao động nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Bệnh viện Tim Tâm Đức 08.03.2006 - 08.03.2026.
10. Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

6. KẾT LUẬN:

Năm 2025, Tâm Đức tiếp tục duy trì hoạt động ổn định. Các chỉ tiêu chuyên môn tăng trưởng tích cực, kết quả tài chính năm 2025 vượt kế hoạch, kết quả này có được nhờ năng lực chuyên môn, kỹ thuật vững vàng, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ y bác sĩ, sự đồng lòng trong nội bộ, sự hỗ trợ của ngành y tế, cũng như sự tin tưởng của người bệnh và cộng đồng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN TIM
TÂM ĐỨC
TS. BS. NGUYỄN NGỌC CHIỀU



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

Số: 01-2026/TTr-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

*(V/v Phân phối lợi nhuận năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;
Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2026)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 28/04/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số VII.11/NQ-HDQT ngày 02/03/2026 của Hội đồng Quản trị NK VII

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025:

Chi tiêu	Số tiền (VNĐ)
1. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp 2025	95.735.394.301
2. Trích các quỹ (Nghị quyết 01.2025/NQ-ĐHCD ngày 25.04.2025)	6.946.474.195
2.1. Quỹ hoạt động Hội đồng quản trị (3,6% LNST)	3.446.474.195
2.2. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	3.500.000.000
3. Lợi nhuận còn lại chi cổ tức (3=1-2)	88.788.920.106
4. Chi cổ tức - Dự kiến 33% mệnh giá	54.022.736.000
4.1. Tạm ứng đợt 1, tháng 08/2025: 10%	16.370.526.000
4.2. Tạm ứng đợt 2, tháng 02/2026: 10%	16.370.526.000
4.3. Thanh toán đợt 3 (Sau khi Đại hội chuẩn thuận): 13%	21.281.684.000
5. Lợi nhuận năm 2025 còn lại (5=3-4)	34.766.184.106

II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2026:

1. Kế hoạch trích quỹ năm 2026:

- Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị 3,6% Lợi nhuận sau thuế
- Quỹ Khen thưởng, phúc lợi 3.500.000.000đ

2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026

Đợt chi trả cổ tức	Tỷ lệ	Thời điểm
Tạm ứng đợt 1	5%	Tháng 09/2026
Tạm ứng đợt 2	5%	Tháng 01/2027
Thanh toán đợt 3	10%	Sau ĐHCĐ 2027

3. Khen thưởng người lao động nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Bệnh viện Tim Tâm Đức 08.03.2006 - 08.03.2026:

Đề xuất Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc khen thưởng người lao động có đóng góp lâu dài và hiệu quả cho bệnh viện nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Bệnh viện Tim Tâm Đức. Nguồn chi khen thưởng trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2026 của công ty. Mức thưởng xác định theo thâm niên là 1 triệu đồng/ người cho mỗi năm công tác, mức cao nhất là 20 triệu đồng/ người dành cho người lao động có thời gian công tác từ đủ 15 năm trở lên. Hội đồng Quản trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lập danh sách khen thưởng người lao động nêu trên và thực hiện khen thưởng theo đúng quy định.

III. CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2026:

Theo kiến nghị của Ban kiểm soát và thay mặt Ban kiểm soát, đề xuất Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định chọn Công ty kiểm toán BCTC niên độ 2026 dựa trên các tiêu chí:

- Là công ty kiểm toán độc lập hợp pháp, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán;
- Là Công ty kiểm toán có uy tín, quy mô toàn quốc và có kinh nghiệm trong hoạt động kiểm toán lĩnh vực y tế;
- Chi phí kiểm toán hợp lý.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIỂU



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH
VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Số: 02/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(V/v Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2022, năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức (“Công ty”/ “Tâm Đức”)

Nhằm mục đích nâng cao năng lực tài chính của Công ty cũng như ghi nhận sự đóng góp của các cán bộ nhân viên đã đồng hành, gắn bó với Tâm Đức trong suốt 20 năm vừa qua, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua các nội dung liên quan đến Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026 (được đính kèm theo Tờ trình này) với các nội dung tóm tắt như sau:

1. Tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**
2. Mã chứng khoán: TTD
3. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Vốn điều lệ hiện nay: 155.520.000.000 đồng.
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 15.552.000 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 15.552.000 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: tối đa **16.252.000 cổ phiếu**, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: **15.552.000 cổ phiếu**, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là **1:1**.
 - + Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): **700.000 cổ phiếu**, tương ứng **4,50%** số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm trình phương án.
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 162.520.000.000 đồng.
10. Nguồn vốn dự kiến:
 - + Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: từ nguồn vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ



phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

- + Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): từ nguồn vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 11. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: **318.040.000.000 đồng**.
- 12. Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 13. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong Quý 2 năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho HĐQT quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo/chấp thuận bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
Để làm rõ, ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền) phải đảm bảo trước ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ngày phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động).
- 14. Ủy quyền thực hiện:
ĐHDCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án phát hành nêu trên, bao gồm:
 - Triển khai thực hiện phát hành và phân phối cổ phiếu theo các phương án phát hành;
 - Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật;
 - Cân đối và quyết định chi tiết nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo đúng quy định;
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;
 - Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình và số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trên cơ sở các tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình đã được ĐHDCĐ thông qua;
 - Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có);
 - Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm từ kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động;

- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm (bao gồm đợt (1) phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và (2) phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động) tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình.

Tài liệu đính kèm:

- Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT





**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

(Đính kèm theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ký ngày 30/ 03/2026)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt thông tin về tổ chức phát hành:

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**
- Tên tiếng Anh : **TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **TÂM ĐỨC**
- Vốn điều lệ hiện nay : **155.520.000.000 đồng.**
- Trụ sở chính : **04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Số điện thoại : **1900 561 539**
- Website : **<https://tamduchearthospital.com/>**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302668322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM (nay là Sở Tài chính TP.HCM) cấp lần đầu ngày 16/07/2002, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 31/10/2025.
 - ✓ Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - + Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá;
 - + Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
 - + Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - ✓ Sản phẩm/dịch vụ chính: Dịch vụ khám, chữa bệnh.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh giai đoạn 2023 – 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		2025	
	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)
Tổng giá trị tài sản	383.865	12,8%	392.731	2,3%	442.778	12,7%
Vốn chủ sở hữu	302.646	10,4%	324.117	a7,1%	359.667	11,0%
Doanh thu từ HĐKD	741.158	2,5%	778.204	5,0%	835.785	7,4%
Lợi nhuận từ HĐKD	165.139	-5,2%	171.064	3,6%	183.783	7,4%

Chỉ tiêu	2023		2024		2025	
	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)
Lợi nhuận khác	1.469	-30,7%	2.185	48,8%	1.867	-14,6%
Lợi nhuận trước thuế	93.805	-9,8%	95.029	1,3%	108.243	13,9%
Lợi nhuận sau thuế	83.077	-9,9%	84.281	1,4%	95.735	13,6%
EPS (đồng/cổ phiếu)	5.021	-10,6%	4.999	-0,4%	5.709	14,2%
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	19.460	10,4%	20.841	7,1%	23.127	11,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của Tâm Đức.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2022, năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức (“Công ty”/ “Tâm Đức”)

2. Mục đích của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026

Chính thức hoạt động từ ngày 08/03/2006, Bệnh viện Tim Tâm Đức là bệnh viện chuyên khoa tim mạch kỹ thuật cao tại TP. Hồ Chí Minh. Bệnh viện có đầy đủ các lĩnh vực chuyên khoa sâu về tim mạch, bao gồm: hồi sức cấp cứu tim mạch, phẫu thuật tim mạch, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim, với hàng triệu lượt bệnh nhân trong nước và quốc tế (đến từ 15 quốc gia) đến khám và điều trị trong gần 20 năm hình thành và phát triển.

Trải qua hành trình gần 20 năm, đội ngũ y bác sĩ của Bệnh viện Tim Tâm Đức đã:

- Khám, cấp cứu và điều trị cho hơn 1,5 triệu lượt người bệnh;
- Phẫu thuật tim cho hơn 12.000 bệnh nhân;
- Thực hiện trên 30.000 ca thông tim can thiệp và điện sinh lý tim;
- Đội cấp cứu hoạt động 24/7 đã cứu sống hàng nghìn trường hợp.

Với quy mô 250 giường bệnh, 74 bác sĩ, 232 điều dưỡng và kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và không ngừng cập nhật các tiến bộ y khoa tiên tiến trong lĩnh vực tim mạch, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã và đang trở thành niềm hy vọng sống cho người mắc bệnh tim.

Trên cơ sở đó, nhằm nâng cao năng lực tài chính của Công ty, đồng thời ghi nhận sự đóng góp của đội ngũ cán bộ nhân viên đã đồng hành và gắn bó với Tâm Đức trong suốt gần 20 năm qua, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026, nâng vốn điều lệ của Công ty lên mức **318,04 tỷ đồng**.

3. Tổng quan về phương án tăng vốn điều lệ của Công ty

- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức
- Mã chứng khoán : TTD
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện nay : 155.520.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 15.552.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : tối đa **16.252.000 cổ phiếu**, trong đó:
 - + *Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu* : **15.552.000 cổ phiếu**, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1
 - + *Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)* : **700.000 cổ phiếu**, tương ứng 4,50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm trình phương án.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 162.520.000.000 đồng
- Nguồn vốn dự kiến :
 - + Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu : từ nguồn vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
 - + Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) : từ nguồn vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành : 318.040.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành : Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến trong Quý 2 năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho HĐQT quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo/chấp thuận bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động

Để làm rõ, ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền) phải đảm bảo trước ngày

kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ngày phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động).

4. Phương án tăng vốn điều lệ chi tiết

4.1 Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu trước phát hành : 15.552.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 15.552.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau khi hoàn tất phát hành (bao gồm đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động) : 31.804.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 155.520.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi hoàn tất phát hành (bao gồm đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động) : 318.040.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Nguồn vốn thực hiện phát hành : từ nguồn vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : **Tỷ lệ 1:1.** Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới;
Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu phát hành này không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.
- Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thời điểm phát hành dự kiến : Dự kiến trong Quý 2 năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho HĐQT quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.

Để làm rõ, ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền) phải đảm bảo trước ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ngày phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động).

4.2 Phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

- Số lượng cổ phiếu trước phát hành : 15.552.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 700.000 cổ phiếu, tương ứng 4,50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm trình phương án.
- Số lượng cổ phiếu sau khi hoàn tất phát hành (bao gồm đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động) : 31.804.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 7.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi hoàn tất phát hành (bao gồm đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động) : 318.040.000.000 đồng
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Nguồn vốn thực hiện phát hành : từ nguồn vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
- Đối tượng phát hành : Các cán bộ chủ chốt về chuyên môn kỹ thuật bao gồm các thành viên Ban Giám đốc Công ty, các Bác sĩ, Dược sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật viên và cán bộ quản lý Hành chính có đóng góp hiệu quả đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đáp ứng các tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình được ĐHCĐ thông qua.
- Nguyên tắc xác định mức độ đóng góp hiệu quả đến hoạt động kinh doanh của Công ty:
Ban xét duyệt chương trình phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động (bao gồm Ban Lãnh đạo Công ty, Hội đồng Lãnh đạo và Hội đồng Quản trị) đã họp, thảo luận và xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá mức độ đóng góp hiệu quả của người lao động làm căn cứ xác định đối tượng được nhận cổ phiếu thưởng, trên cơ sở các nguyên tắc sau:
 - ✓ **Đối với Ban Giám đốc:** Trong suốt hơn 20 năm điều hành và phát triển, Ban Giám đốc đã điều hành Bệnh viện Tim Tâm Đức đạt được hiệu quả cao cả về chuyên môn kỹ thuật và giá trị nhân đạo, xây dựng được uy tín vững chắc đối với người bệnh và xã hội. Năm 2014, Tâm Đức vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động vì đã có thành tích xuất sắc

trong thực hiện xã hội hóa ngành Y tế và công tác xã hội từ thiện. Năm 2025, Tâm Đức tiếp tục được bình chọn là một trong 50 công trình xây dựng tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1975–2025. Các chỉ tiêu chuyên môn và tài chính của Công ty duy trì mức tăng trưởng ổn định qua các năm; riêng năm 2025, doanh thu đạt 846 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 108,2 tỷ đồng. Tâm Đức đã, đang và sẽ tiếp tục là điểm tựa và niềm hy vọng sống cho người bệnh tim mạch.

- ✓ **Đối với Bác sĩ, Dược sĩ:** Đây là lực lượng giữ vai trò trọng yếu, trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của Bệnh viện; việc thiếu hụt bất kỳ vị trí chủ chốt nào cũng có thể tác động đến hoạt động chuyên môn chung. Các cán bộ được lựa chọn chiếm khoảng 50% tổng số bác sĩ của Bệnh viện, là những cá nhân được Ban Giám đốc đánh giá cao về hiệu quả công việc, năng lực chuyên môn, kết quả điều trị, mức độ tín nhiệm của người bệnh thể hiện qua số lượng bệnh nhân đăng ký khám; đồng thời có mối quan hệ thầy thuốc – bệnh nhân tốt, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và sự tận tâm, trách nhiệm trong việc sẵn sàng tiếp nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- ✓ **Đối với các điều dưỡng, kỹ thuật viên trưởng/phó:** Nhóm cán bộ này chiếm khoảng 60% tổng số điều dưỡng và kỹ thuật viên trưởng/phó, là những người đã tổ chức, điều hành công việc tại khoa/phòng đạt hiệu quả, phân công và điều phối nhân sự hợp lý trong công tác chăm sóc người bệnh, được ghi nhận tích cực thông qua ý kiến phản hồi và thư góp ý của người bệnh.
- ✓ **Cán bộ quản lý hành chính (bao gồm Thành viên ban kiểm soát và Trưởng phòng Bảo trì):**
 - + Thành viên ban kiểm soát là cá nhân có đóng góp nổi bật, đặc biệt trong những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đã tham gia giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh của Bệnh viện, góp phần ổn định hoạt động chung và nhận được sự tín nhiệm của tập thể.
 - + Trưởng phòng Bảo trì: Đối với Bệnh viện chuyên sâu về phẫu thuật tim, hệ thống điện và kỹ thuật vận hành đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện, hệ thống điện dự phòng phải được kích hoạt kịp thời trong vòng 1–2 phút nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống máy móc phẫu thuật tim và hệ thống lạnh trung tâm. Vai trò của Trưởng phòng Bảo trì vì vậy có ý nghĩa then chốt, đòi hỏi tính sẵn sàng và trách nhiệm rất cao. Trong suốt hơn 20 năm qua, Trưởng phòng Bảo trì đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu này, góp phần đảm bảo hoạt động liên tục và an toàn cho Bệnh viện.

- Tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình:

Trên cơ sở các nguyên tắc xác định mức độ đóng góp hiệu quả đến hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên, HĐQT kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình cụ thể như sau:

- ✓ **Đối với Ban Giám đốc:**
 - + Các thành viên thuộc Ban Giám đốc Công ty; và
 - + Có thời gian công tác từ 09 năm trở lên tính đến ngày 08/03/2026.
- ✓ **Đối với Bác sĩ – dược sĩ:**
 - + Các Bác sĩ Trưởng phó khoa, khu; Dược sĩ trưởng khoa ở vị trí kỹ thuật trọng yếu (Phẫu thuật, TTCT-ĐSLT, Hồi sức nội ngoại, Khám bệnh, Khoa điều trị, Dược, Xét nghiệm, KHTH) có thời gian công tác trên 10 năm tính đến ngày 08/03/2026; hoặc
 - + Các Bác sĩ khác có thời gian công tác từ 20 năm trở lên tính đến ngày 08/03/2026.
- ✓ **Đối với Điều dưỡng - Kỹ thuật viên:**
 - + Trưởng phó khoa, khu có thời gian công tác từ 19 năm trở lên tính đến ngày 08/03/2026.
- ✓ **Đối với cán bộ quản lý Hành chính:**
 - + Thành viên Ban kiểm soát có thời gian công tác từ 15 năm tính đến 08/03/2026
 - + Trưởng phòng có thời gian công tác từ 20 năm tính đến 08/03/2026.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trên cơ sở các tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình nêu trên.

- Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu : Mỗi cán bộ, nhân viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tham gia chương trình theo phương án này sẽ được phân bổ **10.000 cổ phiếu/người**.
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên
- Mục đích phát hành : Ghi nhận sự đóng góp của các cán bộ nhân viên trong thời gian vừa qua.
- Hạn chế chuyển nhượng : Toàn bộ số lượng cổ phiếu thưởng phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
Cổ phiếu thưởng phát hành sẽ không bị thu hồi trong trường hợp cán bộ nhân viên nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.
- Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết : Trường hợp cán bộ nhân viên từ chối nhận cổ phiếu thưởng (nếu có), số lượng cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên sẽ bị hủy bỏ và không được phân phối tiếp cho đối tượng khác.
- Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thời điểm phát hành dự kiến : Dự kiến trong Quý 2 năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho HĐQT quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
Để làm rõ, ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền) phải đảm bảo trước ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ngày phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động).

5. Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành nêu trên (bao gồm đợt (1) phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và (2) phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định.

6. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án phát hành nêu trên bao gồm:

- Triển khai thực hiện phát hành và phân phối cổ phiếu theo các phương án phát hành;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được

thực hiện đúng theo quy định của pháp luật;

- Cân đối và quyết định chi tiết nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo đúng quy định;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;
- Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình và số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trên cơ sở các tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có);
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm từ kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm (*bao gồm đợt (1) phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và (2) phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động*) tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

III. LỘ TRÌNH CÔNG VIỆC DỰ KIẾN THỰC HIỆN

Stt	Nội dung Công việc	Thời gian thực hiện	
		Bắt đầu	Kết thúc
I	ĐHĐCĐ thông qua phương án tăng vốn điều lệ		
1	ĐHĐCĐ thông qua phương án tăng vốn điều lệ: – Thông qua phương án phát hành và thông qua việc đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu sau khi hoàn tất đợt phát hành; – Ủy quyền cho HĐQT xử lý các vấn đề liên quan.	Tuần 1	
II	Triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu ESOP		
1	Tập hợp và hoàn thiện hồ sơ phát hành.	Tuần 1	
2	Nộp hồ sơ đăng ký phát hành cổ phần cho UBCKNN.	Tuần 1	Tuần 2
3	UBCKNN xem xét hồ sơ phát hành; Công ty bổ sung, giải trình hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN.	Tuần 2	Tuần 5
4	UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.	Tuần 6	

Stt	Nội dung Công việc	Thời gian thực hiện	
		Bắt đầu	Kết thúc
5	<p>Triển khai phát hành cổ phiếu theo phương án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố thông tin phát hành; - Thực hiện chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. <p><i>Ghi chú: ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền) phải đảm bảo trước ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ngày phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động).</i></p>	Tuần 7	Tuần 10
6	HDQT xử lý cổ phần chưa chào bán hết (nếu có)	Tuần 10	
7	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu cho UBCKNN.	Tuần 11	
8	Triển khai đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.	Tuần 11	Tuần 13

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN NGỌC CHIẾU



PHỤ LỤC I

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2025
ĐÃ KIỂM TOÁN**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 7 năm 2002. Qua các lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302668322 thay đổi lần thứ 17 (mười bảy) ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc cập nhật thông tin địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính và cập nhật thông tin địa chỉ liên lạc của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC và cập nhật vào ngày 24 tháng 12 năm 2025.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD (Đăng ký giao dịch UpCom).

Trụ sở chính: Số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ts.Bs.	Nguyễn Ngọc Chiêu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Thành viên
Ths.	Phạm Anh Dũng	Thành viên
Bs.CKI	Phạm Bích Xuân	Thành viên
Ths.Bs.	Phan Kim Phương	Thành viên

Ban Kiểm soát

CN.	Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025)
CN.	Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban (miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)
Bà	Bùi Thúy Kiều	Thành viên
Bs.	Lê Thị Huyền Trang	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bs.CKII	Đỗ Văn Bửu Đan	Tổng Giám đốc
Ts.Bs.	Tôn Thất Minh	Giám đốc Bệnh viện
Ts.Bs.	Đinh Đức Huy	Giám đốc Nội tim mạch
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Giám đốc Ngoại tim mạch
PGs.Ts.Bs.	Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám đốc Nội tiết và Dinh dưỡng
Ths.Bs.	Nguyễn Huỳnh Khương	Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
Bs.CKII	Lý Huy Khanh	Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp
Ths.Bs.	Ngô Thị Kim Ánh	Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị Ngoại trú
Bs.CKII	Thái Minh Thiện	Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội Tim Mạch
CN.	Nguyễn Ngọc An Khôi	Phó Giám đốc Quản lý chất lượng (đến ngày 09/04/2025)
		Phó Giám đốc Phát triển thương hiệu (từ ngày 10/04/2025)
CN.	Nguyễn Ngọc Như Anh	Phó Giám đốc Hành chính - Người phụ trách quản trị công ty
CN.	Trần Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc Quản trị - Tổ chức nhân sự
Ths.	Nguyễn Văn Chung	Phó Giám đốc Công nghệ thông tin (bổ nhiệm từ ngày 15/10/2025)
Ths.	Phan Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính như sau:

Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2021.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("MOORE AISC") được lựa chọn là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: B0725369-R/MOORE AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức** tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC




Dương Thị Phương Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0321-2023-005-1



Nguyễn Như Yển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 5444-2025-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.970.712.697	236.952.381.558
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.623.533.672	76.764.812.048
1. Tiền	111		27.623.533.672	31.764.812.048
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	45.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		157.570.805.331	97.077.004.732
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	157.570.805.331	97.077.004.732
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.015.649.193	22.271.657.679
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.000.108.643	4.086.600.931
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	357.180.879	6.501.118.570
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.230.428.180	12.999.871.552
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.572.068.509)	(1.315.933.374)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	46.637.903.079	39.285.982.788
1. Hàng tồn kho	141		46.637.903.079	39.285.982.788
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.122.821.422	1.552.924.311
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	2.122.821.422	1.552.924.311
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.806.815.718	155.778.265.662
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		222.244.540	22.244.540
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	222.244.540	22.244.540
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		154.958.362.342	145.430.356.327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	150.189.290.768	140.703.694.960
- Nguyên giá	222		405.718.019.166	393.362.897.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(255.528.728.398)	(252.659.202.094)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.769.071.574	4.726.661.367
- Nguyên giá	228		9.007.952.472	8.767.952.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.238.880.898)	(4.041.291.105)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.626.208.836	10.325.664.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	9.626.208.836	10.325.664.795
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		442.777.528.415	392.730.647.220

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.110.341.129	68.613.220.800
I. Nợ ngắn hạn	310		83.080.341.129	68.583.220.800
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	57.041.183.905	43.147.713.160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.142.322.479	1.495.013.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.642.285.047	4.896.626.238
4. Phải trả người lao động	314		12.053.630.532	11.345.590.603
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.493.835.641	3.497.369.273
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	3.585.658.525	4.102.683.045
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		121.425.000	98.225.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	30.000.000	30.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.667.187.286	324.117.426.420
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	359.667.187.286	324.117.426.420
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.407.488.000	1.407.488.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.603.467.737	16.603.467.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.638.700.638	1.855.123.878
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		183.497.530.911	148.731.346.805
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		111.079.136.805	87.355.323.686
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		72.418.394.106	61.376.023.119
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		442.777.528.415	392.730.647.220

Tp. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ths. Phan Thị Thanh Nga



Bs. CKII. Đỗ Văn Bửu Đan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	835.932.450.940	778.436.638.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	147.739.061	232.623.238
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	835.784.711.879	778.204.015.411
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	652.001.684.104	607.140.381.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		183.783.027.775	171.063.634.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	7.111.520.931	4.342.749.350
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	13.628.718.661	15.761.958.018
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	70.890.037.329	66.800.425.387
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		106.375.792.716	92.844.000.023
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.202.656.154	2.860.272.878
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.335.766.869	674.889.059
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.866.889.285	2.185.383.819
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		108.242.682.001	95.029.383.842
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	12.507.287.700	10.748.731.229
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		95.735.394.301	84.280.652.613
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	5.709	4.999
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	5.709	4.999

Tp. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG


Ths. Phan Thị Thanh Nga


TỔNG GIÁM ĐỐC
Bs. CKII. Đỗ Văn Bửu Đan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		108.242.682.001	95.029.383.842
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-9	20.635.437.454	19.776.388.859
- Các khoản dự phòng	03		256.135.135	50.371.759
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V.5	(174.965.940)	(104.530.475)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.845.704.824)	(4.284.054.243)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		122.113.583.826	110.467.559.742
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		8.187.662.271	(3.775.468.646)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(7.351.920.291)	4.009.926.649
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		7.813.252.840	(868.005.307)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		129.558.848	4.423.354.839
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(12.049.129.809)	(10.024.662.698)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.371.611.374)	(9.179.916.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		112.471.396.311	95.052.788.365
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(23.915.614.099)	(9.729.377.684)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		7.700.000	45.835.368
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.493.800.599)	(10.533.892.652)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.548.766.071	4.936.147.218
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.852.948.627)	(15.281.287.750)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(53.934.692.000)	(53.786.422.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.934.692.000)	(53.786.422.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(19.316.244.316)	25.985.078.015
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		76.764.812.048	50.675.203.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		174.965.940	104.530.475
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	57.623.533.672	76.764.812.048

Tp. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ths. Phan Thị Thanh Nga



ĐỒNG GIÁM ĐỐC

Bs. CKII. Đỗ Văn Bửu Đan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 7 năm 2002. Qua các lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302668322 thay đổi lần thứ 17 (mười bảy) ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc cập nhật thông tin địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính và cập nhật thông tin địa chỉ liên lạc của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC và cập nhật vào ngày 24 tháng 12 năm 2025.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD (Đăng ký giao dịch UpCom).

Trụ sở chính: Số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại chúng lớn.

3. Hoạt động chính của Công ty

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 537 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 526 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Nguyên tắc xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nguyên tắc xác định tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2025: 26.077 VND/USD; 30.348,70 VND/EUR.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: Công ty ước tính phần giá trị bị tổn thất và trích lập dự phòng theo quy định hiện hành.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước (FIFO).

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình mua được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế

Trường hợp mua TSCĐ được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý. Nguyên giá TSCĐ được mua là tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	12-30 năm
Máy móc, thiết bị	5-15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7-12 năm
Quyền sử dụng đất (*)	42 năm
Chương trình phần mềm	2-10 năm

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...) và các chi phí khác: Các chi phí đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời gian sử dụng trên hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải trả người bán** phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- **Phải trả khác** phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí điện nước, xét nghiệm... đã phát sinh trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản đối chiếu cụ thể.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ căn cứ theo theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

Công ty được thanh tra kiểm tra quyết toán thuế đến năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ từ thiện, Quỹ nhân đạo, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

16. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Các bên liên quan

- (i) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới công ty này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với công ty như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- (ii) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- (iii) Các công ty do các cá nhân được nêu ở trường hợp (i) hoặc trường hợp (ii) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty. Trường hợp này bao gồm những công ty được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của công ty và những công ty có chung một thành viên quản lý chủ chốt với công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	27.623.533.672	31.764.812.048
Tiền mặt	750.159.442	333.700.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.873.374.230	31.431.111.624
+ Tiền Việt Nam Đồng	23.710.782.876	28.444.860.419
Ngân hàng Argibank	1.104.896.138	13.741.977.603
Ngân hàng Vietcombank	12.186.347.141	14.702.882.816
Ngân hàng Vietinbank	10.419.539.597	-
+ Tiền ngoại tệ	3.162.591.354	2.986.251.205
Ngân hàng Vietcombank - USD	2.473.585.728	2.395.567.168
Ngân hàng Vietcombank - EUR	689.005.626	590.684.037
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	45.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	30.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	57.623.533.672	76.764.812.048

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại các ngân hàng TMCP với lãi suất dao động từ 4,4% - 4,7%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	157.570.805.331	157.570.805.331	97.077.004.732	97.077.004.732
Cộng	157.570.805.331	157.570.805.331	97.077.004.732	97.077.004.732

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 - 12 tháng tại các ngân hàng TMCP với lãi suất dao động từ 4,6% - 5,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khách hàng trong nước	4.000.108.643	(1.572.068.509)	4.086.600.931	(1.315.933.374)
Công ty TNHH Doanh nghiệp Xã hội VietNam Children's fund	145.162.760	-	176.133.780	-
Khách hàng trong nước khác	3.854.945.883	(1.572.068.509)	3.910.467.151	(1.315.933.374)
Cộng	4.000.108.643	(1.572.068.509)	4.086.600.931	(1.315.933.374)
4. Trả trước cho người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	357.180.879	-	6.501.118.570	-
Nhà cung cấp trong nước	357.180.879	-	6.501.118.570	-
Công ty TNHH Công nghệ môi trường Hoàng Phúc	162.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TM Vật tư Khoa học Kỹ thuật	-	-	5.994.000.000	-
Nhà cung cấp trong nước khác	195.180.879	-	507.118.570	-
Cộng	357.180.879	-	6.501.118.570	-
5. Phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	11.230.428.180	-	12.999.871.552	-
Tạm ứng nhân viên	194.125.000	-	189.942.000	-
Ký cược, ký quỹ	243.965.000	-	243.965.000	-
Các khoản chi hộ (BHYT) (*)	9.043.080.853	-	10.916.519.680	-
Lãi tiền gửi dự thu	1.724.474.015	-	1.336.685.095	-
Phải thu khác	24.783.312	-	312.759.777	-
b. Dài hạn	222.244.540	-	22.244.540	-
Ký cược, ký quỹ	222.244.540	-	22.244.540	-
Cộng	11.452.672.720	-	13.022.116.092	-

(*) Đây là các khoản chi phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân sử dụng thẻ Bảo hiểm Y tế. Khoản phải thu này sẽ được quyết toán với cơ quan Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Công nợ quá hạn lập dự phòng (Xem trang 37).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.236.425.586	-	24.627.459.062	-
Công cụ, dụng cụ	1.334.787.743	-	1.469.467.258	-
Hàng hoá	17.066.689.750	-	13.189.056.468	-
Cộng	46.637.903.079	-	39.285.982.788	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

8. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 38).

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.970.212.772	1.797.739.700	8.767.952.472
Mua trong năm	-	240.000.000	240.000.000
Số dư cuối năm	6.970.212.772	2.037.739.700	9.007.952.472
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.323.404.216	1.717.886.889	4.041.291.105
Khấu hao trong năm	165.957.444	31.632.349	197.589.793
Số dư cuối năm	2.489.361.660	1.749.519.238	4.238.880.898
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.646.808.556	79.852.811	4.726.661.367
Số dư cuối năm	4.480.851.112	288.220.462	4.769.071.574

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: không có.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.662.739.700 VND.
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT 35912, phần diện tích Khu 1 là 10.000 m2, địa chỉ số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đến ngày 02 tháng 5 năm 2053.

10. Chi phí trả trước	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	2.122.821.422	1.552.924.311
Các khoản chi phí bảo trì phần mềm, bảo hiểm,...	2.122.821.422	1.552.924.311
b. Dài hạn	9.626.208.836	10.325.664.795
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.256.870.941	2.543.695.502
Các chi phí bảo trì máy móc, sửa chữa cơ sở vật chất bệnh viện, ...	7.369.337.895	7.781.969.293
Cộng	11.749.030.258	11.878.589.106

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	57.041.183.905	57.041.183.905	43.147.713.160	43.147.713.160
Nhà cung cấp trong nước	57.041.183.905	57.041.183.905	43.147.713.160	43.147.713.160
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Anh Huy	3.847.472.000	3.847.472.000	431.700.000	431.700.000
Công ty TNHH Thương mại vật tư Khoa học Kỹ thuật	3.496.500.000	3.496.500.000	-	-
Công ty CP Dược Liệu TWII (Phytopharma)	6.594.438.354	6.594.438.354	4.474.992.106	4.474.992.106
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Triều Giang	6.251.688.043	6.251.688.043	6.318.916.478	6.318.916.478
Nhà cung cấp trong nước khác	36.851.085.508	36.851.085.508	31.922.104.576	31.922.104.576
Cộng	57.041.183.905	57.041.183.905	43.147.713.160	43.147.713.160

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Khách hàng trong nước	2.142.322.479	1.495.013.481
Thu tạm ứng bệnh nhân	731.562.180	589.342.170
Hội Ân nhân	795.961.490	148.923.370
Khách hàng trong nước khác	614.798.809	756.747.941
Cộng	2.142.322.479	1.495.013.481

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	160.413.995	1.685.237.474	1.542.420.998	303.230.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.382.945.231	12.507.287.700	12.049.129.809	3.841.103.122
Thuế thu nhập cá nhân	1.353.267.012	18.661.914.379	18.517.229.937	1.497.951.454
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.896.626.238	32.857.439.553	32.111.780.744	5.642.285.047

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho khám, chữa bệnh ngoại trú, viện phí nội trú	Không chịu thuế
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho thuốc	5%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng ngoài dịch vụ khám chữa bệnh và thuốc	10%

Công ty được giảm thuế GTGT xuống 8% theo Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 được hướng dẫn tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 áp dụng từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 được hướng dẫn tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 áp dụng từ ngày 01/07/2025 đến 31/12/2026.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê
Đường Nguyễn Đồng Chi, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (5.000 m ²)	414.180 VND/m ²

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí xử lý rác y tế, rác sinh hoạt	233.543.520	351.926.604
Chi phí gửi mẫu xét nghiệm	320.974.000	667.270.000
Chi phí phải trả (tiền điện, nước, xét nghiệm, bảo trì máy chuyên dùng, hàng hóa đã nhận chưa xuất hóa đơn...)	1.939.318.121	2.478.172.669
Cộng	2.493.835.641	3.497.369.273

15. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	3.585.658.525	4.102.683.045
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp, KPCĐ	19.718.567	20.467.692
Giữ hộ quỹ hỗ trợ bệnh nhân của tổ chức và cá nhân	1.227.166.857	1.154.761.462
Thu chi hộ tiền tài trợ các hợp đồng nghiên cứu, hội thảo	1.246.130.050	1.550.449.384
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.092.643.051	1.377.004.507
b. Dài hạn	30.000.000	30.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
Cộng	3.615.658.525	4.132.683.045

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 39).

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2025		01/01/2025	
	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
Bà Nguyễn Thị Hạnh	15.552.000.000	10,00%	15.552.000.000	10,00%
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	12.350.000.000	7,94%	12.350.000.000	7,94%
Công ty CP Đầu tư An Việt Hưng	12.062.600.000	7,76%	12.062.600.000	7,76%
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	115.555.400.000	74,30%	115.555.400.000	74,30%
Cộng	155.520.000.000	100,00%	155.520.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000
Vốn góp đầu năm	155.520.000.000	155.520.000.000
Vốn góp cuối năm	155.520.000.000	155.520.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	54.022.736.000	54.022.736.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025	01/01/2025
Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu	2.638.700.638	1.855.123.878
Cộng	19.242.168.375	18.458.591.615

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Tài sản nhận giữ hộ		Đơn vị tính	Số lượng	
Vật tư ký gửi			31/12/2025	01/01/2025
Amplatez/Coil	Cái		19	31
Amplatez/Coil	Bộ		7	4
Anneaux	Cái		22	15
Ballon	Cái		365	520
Dụng Cụ Điện Sinh Lý	Cái		71	50
Dụng Cụ Điện Sinh Lý	Bộ		14	41
Pacemaker	Cái		20	2
Pacemaker	Bộ		5	6
Stent	Cái		412	388
Valve	Cái		49	55
Y Dụng Cụ	Bộ		11	7
Y Dụng Cụ	Cái		53	44
Cộng			1.048	1.163

b. Ngoại tệ các loại		31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)		Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$ 94.856,99	2.473.585.728	\$ 94.870,19	2.395.567.168	
EUR	€ 22.702,97	689.005.626	€ 22.645,88	590.684.037	
Cộng		3.162.591.354		2.986.251.205	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu khám, chữa bệnh	616.089.082.040	575.868.417.351
Doanh thu bán thuốc	218.812.386.560	200.744.506.007
Doanh thu khác	1.030.982.340	1.823.715.291
Cộng	835.932.450.940	778.436.638.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2025	Năm 2024
Hàng bán bị trả lại	147.739.061	232.623.238
Cộng	147.739.061	232.623.238

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2025	Năm 2024
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu khám, chữa bệnh	616.089.082.040	575.868.417.351
Doanh thu bán thuốc	218.664.647.499	200.511.882.769
Doanh thu khác	1.030.982.340	1.823.715.291
Cộng	835.784.711.879	778.204.015.411
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn dịch vụ khám chữa bệnh	460.122.283.190	423.954.453.521
Giá vốn bán thuốc	191.372.725.914	173.616.943.818
Giá vốn khác	506.675.000	9.568.983.994
Cộng	652.001.684.104	607.140.381.333
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	6.936.554.991	4.238.218.875
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	174.965.940	104.530.475
Cộng	7.111.520.931	4.342.749.350
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	5.454.773.460	7.216.722.253
Chi phí vật liệu, bao bì	1.092.097.671	1.112.671.950
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.772.165	124.138.016
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.263.880	12.263.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.239.641.045	6.328.422.063
Chi phí bằng tiền khác	826.170.440	967.739.856
Cộng	13.628.718.661	15.761.958.018
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	42.870.769.067	39.276.380.461
Chi phí vật liệu, bao bì	852.168.342	830.058.233
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.460.506.399	1.537.544.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.237.378.685	6.329.525.227
Thuế, phí, lệ phí	831.360.000	1.456.047.313
Dự phòng phải thu khó đòi	256.135.135	50.371.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.699.352.353	12.627.026.007
Chi phí bằng tiền khác	4.682.367.348	4.693.471.686
Cộng	70.890.037.329	66.800.425.387

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Thu nhập khác	Năm 2025	Năm 2024
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, công cụ dụng cụ	7.700.000	1.200.000
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	103.858	13.154.785
Thu nhập từ cho thuê cửa hàng, mặt bằng cửa hàng tiện lợi, hội trường,...	1.728.737.093	1.354.561.219
Các khoản khác	1.466.115.203	1.491.356.874
Cộng	3.202.656.154	2.860.272.878
8. Chi phí khác	Năm 2025	Năm 2024
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	70.772.389	153.231.712
Thanh lý thuốc, vật tư hư hỏng, hết hạn sử dụng	70.742.462	150.657.207
Xử lý vật tư thiếu sau kiểm kê	341.343	25.430.448
Các khoản bị phạt	98.219.105	35.705.752
Các khoản khác	1.095.691.570	309.863.940
Cộng	1.335.766.869	674.889.059
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	452.299.694.706	419.602.058.615
Chi phí nhân công	186.680.943.688	181.539.720.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.635.437.454	19.776.388.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.428.967.012	35.000.956.182
Chi phí khác bằng tiền	36.219.262.099	33.733.268.492
Cộng	736.264.304.959	689.652.392.979
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2025	Năm 2024
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.507.287.700	10.743.351.229
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	5.380.000
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.507.287.700	10.748.731.229
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	95.735.394.301	84.280.652.613
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(6.946.474.195)	(6.534.103.494)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác	(6.946.474.195)	(6.534.103.494)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.788.920.106	77.746.549.119
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.552.000	15.552.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.709	4.999

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.788.920.106	77.746.549.119
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	88.788.920.106	77.746.549.119
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	15.552.000	15.552.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.709	4.999

VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2025		
Đồng Việt Nam	+100	2.120.317.476
Đồng Việt Nam	-100	(2.120.317.476)
Đô-la Mỹ	+100	24.735.857
Đô-la Mỹ	-100	(24.735.857)
Đồng EURO	+100	6.890.056
Đồng EURO	-100	(6.890.056)
Năm 2024		
Đồng Việt Nam	+100	1.708.555.656
Đồng Việt Nam	-100	(1.708.555.656)
Đô-la Mỹ	+100	23.955.672
Đô-la Mỹ	-100	(23.955.672)
Đồng EURO	+100	5.906.840
Đồng EURO	-100	(5.906.840)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các năm trước.

1.2. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. *Rủi ro tín dụng (tiếp theo)*

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến phải thu khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Dưới 90 ngày	2.222.276.759	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.777.831.884
Tổng cộng giá trị ghi sổ	2.222.276.759	-	-	1.777.831.884
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.572.068.509)
Giá trị thuần	2.222.276.759	-	-	205.763.375
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Dưới 90 ngày	2.720.295.798	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.366.305.133
Tổng cộng giá trị ghi sổ	2.720.295.798	-	-	1.366.305.133
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.315.933.374)
Giá trị thuần	2.720.295.798	-	-	50.371.759

3. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	57.041.183.905	-	-	57.041.183.905
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.523.835.641	-	-	2.523.835.641
Cộng	59.565.019.546	-	-	59.565.019.546

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. *Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	43.147.713.160	-	-	43.147.713.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.527.369.273	-	-	3.527.369.273
Cộng	46.675.082.433	-	-	46.675.082.433

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Xem bảng trình bày trang 40.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ: Không có.

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Thông tin tài chính khác

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 6389/HĐ-TNMT-QHSDĐ ngày 08/8/2008 với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích đất 5000 m² tại đường Nguyễn Đồng Chi, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất là đến hết ngày 02/5/2053. Hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm với đơn giá theo quy định.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

- Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ, cũng như không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

- Tại ngày 31 ngày 12 năm 2025, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên này.
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc là toàn bộ thu nhập bao gồm lương, thưởng, phụ cấp từ chức danh quản lý và thành quả từ việc trực tiếp tham gia hoạt động khám chữa bệnh, chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị		2.362.335.312	2.326.437.876
Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.486.437.876	1.486.437.876
Ts.Bs. Chu Trọng Hiệp	Thành viên	244.615.384	210.000.000
Ths. Phạm Anh Dũng	Thành viên	193.333.334	210.000.000
Bs.CKI Phạm Bích Xuân	Thành viên	193.333.334	210.000.000
Ths.Bs. Phan Kim Phương	Thành viên	244.615.384	210.000.000
Lương và thưởng của Ban Kiểm soát		702.841.335	495.000.000
CN. Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025)	209.222.168	-
CN. Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban (miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)	74.729.167	177.000.000
Bà Bùi Thúy Kiều	Thành viên	238.890.000	165.000.000
Bs. Lê Thị Huyền Trang	Thành viên	180.000.000	153.000.000
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc		24.473.861.490	23.957.622.473
Bs.CKII Đỗ Văn Bửu Đan	Tổng Giám đốc	2.817.226.020	2.524.922.913
Ts.Bs. Tôn Thất Minh	Giám đốc Bệnh viện	4.929.018.380	5.011.183.264
Ts.Bs. Chu Trọng Hiệp	Giám đốc Ngoại tim mạch	3.026.593.058	3.024.050.653
Ts.Bs. Đinh Đức Huy	Giám đốc Nội tim mạch	2.621.094.841	2.463.061.679
Bs.CKI Phạm Bích Xuân	Giám đốc Đối ngoại (miễn nhiệm từ ngày 30/01/2024)	-	227.486.757
PGs.Ts.Bs. Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám đốc Nội tiết và Dinh dưỡng	1.242.050.548	1.232.961.184
Ths.Bs. Nguyễn Huỳnh Khương	Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu	2.002.080.611	1.958.223.449
Bs.CKII Lý Huy Khanh	Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp	1.043.412.969	1.042.432.716
Ths.Bs. Ngô Thị Kim Ánh	Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị Ngoại trú	1.146.270.282	1.139.301.003
Bs.CKII Thái Minh Thiện	Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội Tim Mạch	1.674.255.122	1.662.190.185
CN. Nguyễn Ngọc An Khôi	Phó Giám đốc Quản lý chất lượng (đến ngày 09/04/2025)	853.361.695	830.782.470
	Phó Giám đốc Phát triển thương hiệu (từ ngày 10/4/2025)		
CN. Trương Thị Mai Lan	Phó Giám đốc Hành chính (miễn nhiệm từ ngày 16/5/2024)	-	332.818.461

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
CN. Nguyễn Ngọc Như Anh	Phó Giám đốc Hành chính - Người phụ trách quản trị công ty	740.285.279	402.435.141
CN. Trần Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc Quản trị - Tổ chức nhân sự	865.373.095	841.290.470
Ths. Nguyễn Văn Chung	Phó Giám đốc Công nghệ thông tin (bổ nhiệm từ ngày 15/10/2025)	213.914.231	-
Ths. Phan Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	1.298.925.360	1.264.482.127

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1. Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo hoạt động theo các lĩnh vực kinh doanh: lĩnh vực kinh doanh bán thuốc; lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính 2025.

	Lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác	Lĩnh vực kinh doanh bán thuốc	Tổng cộng
Doanh thu thuần	617.120.064.380	218.664.647.499	835.784.711.879
Giá vốn	460.628.958.190	191.372.725.914	652.001.684.104
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.491.106.190	27.291.921.585	183.783.027.775

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính 2024.

	Lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác	Lĩnh vực kinh doanh bán thuốc	Tổng cộng
Doanh thu thuần	577.692.132.642	200.511.882.769	778.204.015.411
Giá vốn	433.523.437.515	173.616.943.818	607.140.381.333
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.168.695.127	26.894.938.951	171.063.634.078

4.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty chỉ kinh doanh tại trụ sở chính tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và không có chi nhánh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ths. Phan Thị Thanh Nga



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bs. CKII. Đỗ Văn Bửu Đan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Công nợ quá hạn lập dự phòng

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Đối tượng nợ
Các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.777.831.884	1.572.068.509		1.366.305.133	1.315.933.374	
Đặng Văn Vạn	110.539.626	110.539.626	Trên 3 năm	110.539.626	110.539.626	Trên 3 năm
Dưm Nan	262.697.893	262.697.893	Trên 3 năm	262.697.893	262.697.893	Trên 3 năm
Nguyễn Ngọc Khánh Linh	198.304.565	198.304.565	Trên 3 năm	198.304.565	198.304.565	Trên 3 năm
Nguyễn Cao Bách	297.349.715	297.349.715	Trên 3 năm	297.349.715	297.349.715	Trên 3 năm
Văn Thị Hồng Tâm	129.525.751	129.525.751	Trên 3 năm	129.525.751	129.525.751	Trên 3 năm
Nguyễn Thị Hoàng Mỹ	100.743.518	100.743.518	Trên 3 năm	100.743.518	50.371.759	Trên 1 năm
David Alan Cross	391.437.443	195.718.722	Trên 1 năm			
Hồ Minh Dương	20.089.308	10.044.654	Trên 1 năm			
Các khoản phải thu quá hạn khác	267.144.065	267.144.065	Trên 3 năm	267.144.065	267.144.065	Trên 3 năm
Tổng cộng	1.777.831.884	1.572.068.509		1.366.305.133	1.315.933.374	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	140.870.891.435	242.270.065.776	7.317.333.068	2.352.866.014	551.740.761	393.362.897.054
Mua trong năm	-	29.336.493.636	-	317.500.000	368.000.000	30.021.993.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.626.971.524)	-	-	(39.900.000)	(17.666.871.524)
Tăng, giảm do chuyển nhóm tài sản	470.700.000	(470.700.000)	-	-	-	-
Số dư cuối năm	141.341.591.435	253.508.887.888	7.317.333.068	2.670.366.014	879.840.761	405.718.019.166
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	74.449.116.056	171.289.460.300	4.818.777.627	1.571.443.338	530.404.773	252.659.202.094
Khấu hao trong năm	4.649.372.280	14.717.116.237	563.836.065	237.583.506	269.939.573	20.437.847.661
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.528.421.357)	-	-	(39.900.000)	(17.568.321.357)
Tăng, giảm do chuyển nhóm tài sản	23.535.000	(23.535.000)	-	-	-	-
Số dư cuối năm	79.122.023.336	168.454.620.180	5.382.613.692	1.809.026.844	760.444.346	255.528.728.398
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	66.421.775.379	70.980.605.476	2.498.555.441	781.422.676	21.335.988	140.703.694.960
Số dư cuối năm	62.219.568.099	85.054.267.708	1.934.719.376	861.339.170	119.396.415	150.189.290.768

- * Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 89.794.783.725 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: không có.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2024	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	1.845.698.259	127.269.610.262	302.646.264.258
Lợi nhuận	-	-	-	-	84.280.652.613	84.280.652.613
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.034.103.494	(6.534.103.494)	(3.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(54.022.736.000)	(54.022.736.000)
Giảm khác	-	-	-	(3.024.677.875)	(2.262.076.576)	(5.286.754.451)
Số dư 31/12/2024	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	1.855.123.878	148.731.346.805	324.117.426.420
Số dư 01/01/2025	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	1.855.123.878	148.731.346.805	324.117.426.420
Lợi nhuận	-	-	-	-	95.735.394.301	95.735.394.301
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	3.446.474.195	(6.946.474.195)	(3.500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(54.022.736.000)	(54.022.736.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.662.897.435)	-	(2.662.897.435)
Số dư 31/12/2025	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	2.638.700.638	183.497.530.911	359.667.187.286

(*) Căn cứ theo Nghị quyết 01.2025/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2025, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024 và tạm trích các quỹ năm 2025, chia cổ tức năm 2024 cụ thể như sau:

Năm 2025

- Trích lập các quỹ

+ Tạm trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2025	3.446.474.195
+ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	3.500.000.000
	<u>6.946.474.195</u>

- Chia cổ tức

+ Chia cổ tức đợt 2 năm 2024 theo Nghị quyết số VII.05/NQ-HDQT ngày 26/12/2024	16.370.526.000
+ Chia cổ tức đợt 3 năm 2024 theo Nghị quyết số 01.2025/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2025	21.281.684.000
+ Cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2025 căn cứ Nghị quyết số VII.08.01/NQ-HDQT ngày 15/07/2025	16.370.526.000
	<u>54.022.736.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		31/12/2024		31/12/2025	31/12/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	4.000.108.643	(1.572.068.509)	4.086.600.931	(1.315.933.374)	2.428.040.134	2.770.667.557
- Phải thu khác	9.509.290.393	-	11.182.729.220	-	9.509.290.393	11.182.729.220
- Tiền và các khoản tương đương tiền	57.623.533.672	-	76.764.812.048	-	57.623.533.672	76.764.812.048
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	157.570.805.331	-	97.077.004.732	-	157.570.805.331	97.077.004.732
TỔNG CỘNG	228.703.738.039	(1.572.068.509)	189.111.146.931	(1.315.933.374)	227.131.669.530	187.795.213.557
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	57.041.183.905	-	43.147.713.160	-	57.041.183.905	43.147.713.160
- Nợ phải trả tài chính khác, chi phí phải trả	2.523.835.641	-	3.527.369.273	-	2.523.835.641	3.527.369.273
TỔNG CỘNG	59.565.019.546	-	46.675.082.433	-	59.565.019.546	46.675.082.433

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC BAN KIỂM SOÁT

Hôm nay, ngày 20 tháng 03 năm 2026, chúng tôi gồm có:

Ban Kiểm soát:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| 1. CN. Nguyễn Đức Tuấn | : Trưởng ban |
| 2. Bà Bùi Thúy Kiều | : Thành viên |
| 3. BS. Lê Thị Huyền Trang | : Thành viên |

Đại diện Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức :

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. BS. CKII. Đỗ Văn Bửu Đan | : Tổng Giám Đốc |
| 2. Ths. Phan Thị Thanh Nga | : Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

Ban Thư ký: CN. Nguyễn Ngọc Như Anh

Sau khi đã kiểm tra chứng từ, sổ sách và các báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức, chúng tôi thống nhất như sau :

A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHUYÊN MÔN:

Kết quả hoạt động chuyên môn năm 2025 tiếp tục đạt kết quả tốt trong tình hình cạnh tranh từ các bệnh viện tim công lập và tư nhân. Ban Lãnh đạo bệnh viện đưa ra nhiều giải pháp để đạt được kế hoạch năm đã đề ra và với những nỗ lực rất lớn của đội ngũ các bác sĩ, điều dưỡng và nhân viên y tế, Tim Tâm Đức đã thực hiện được như sau:

- Khám chữa bệnh ngoại trú năm 2025 tương đương năm 2024 (81.083/81.428 lượt). Mỗi ngày có khoảng 300 người bệnh đến khám, trong đó 17% là bệnh nhân mới.
- Về điều trị nội trú, năm 2025 có số bệnh nhân nội trú tăng 5% so với năm 2024 (4.565/4.344 ca/năm).
- Thông tin can thiệp năm 2025 tăng 4% so với năm 2024 (1.755/1.689 bệnh nhân/năm).
- Số ca thực hiện kỹ thuật Điện sinh lý tim năm 2025 tăng 10% so với năm 2024 (507/461 ca/năm).
- Hoạt động Phẫu thuật năm 2025 giảm 24% so với năm 2024 (270/355 ca/năm).
- Tháng 10/2018, Khu Khám điều trị đặc biệt và Chăm sóc đặc biệt đi vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu khám, điều trị và chăm sóc chất lượng cao, đã nâng cao uy tín và đóng góp quan trọng đến kết quả tài chính của Tâm Đức. Đến nay đã có 106.723 lượt bệnh nhân khám ngoại trú, 2.241 lượt bệnh nhân điều trị nội trú, khu Hồi sức đặc biệt đã điều trị cho 2.463 lượt bệnh nhân.
- Về bảo hiểm y tế năm 2025 so với năm 2024: số lượt BHYT chung tăng 28% (26.492/11.259 lượt), tổng số tiền thanh toán BHYT tăng 14,6% (106,6 tỷ/93 tỷ). Khối ngoại trú có 22.626 lượt bệnh nhân BHYT, chiếm 27,9% trong tổng số bệnh nhân đến khám (22.626/81.083 lượt). Khối nội trú có 3.866 lượt bệnh nhân BHYT, chiếm 84,7% trong tổng số ca nằm viện (3.866/4.565 ca).

B. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

- Tổng doanh thu năm 2025: 835.784.711.879 đồng, tăng 7,4% so với năm 2024 (836 tỷ/778 tỷ), vượt 11,4% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 750 tỷ đồng.



- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025: 108.242.682.001 đồng, tăng 13,9% so với thực hiện năm 2024 (108,2 tỷ/95,0 tỷ), vượt 17,7% so với kế hoạch năm 2025 là 92 tỷ.
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025: 95.735.394.301 đồng, tăng 13,6% so với thực hiện năm 2024 (95,7 tỷ/84,3 tỷ), vượt 14,0% so với kế hoạch năm 2025 là 84 tỷ.
- Bình quân lãi cơ bản mỗi cổ phiếu năm 2025 là 5.709 đồng/cổ phiếu so với năm 2024 là 4.999 đồng/cổ phiếu. Vốn điều lệ: 155,52 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu đang lưu hành là : 15.552.000 cổ phiếu.

Như vậy, với số liệu tài chính năm 2025 như trên, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã vượt các chỉ tiêu kế hoạch tài chính đề ra.

C. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- CTCP Bệnh viện Tim Tâm Đức đạt được kết quả kinh doanh tích cực, vượt kế hoạch tài chính đề ra trong năm 2025. Qua đó, Bệnh viện Tim Tâm Đức duy trì kết quả lợi nhuận dương liên tiếp 19 năm liền từ năm 2007 đến nay.
- Ban Lãnh đạo bệnh viện vẫn tiếp tục phát huy tốt vai trò quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của bệnh viện. Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng của Tâm Đức đã trưởng thành, trình độ luôn được nâng cao.
- Các số liệu chuyên môn phản ánh tăng trưởng ở hầu hết các chuyên khoa, đặc biệt, các tiêu chí quản lý chất lượng bệnh viện, và các chỉ số hài lòng của bệnh nhân nội trú và ngoại trú tiếp tục cải thiện tích cực và bền vững trong năm 2025.
- Tim Tâm Đức duy trì hoạt động giám sát chất lượng, theo dõi cải tiến các khoa phòng và quản lý sự cố, nhằm đảm bảo Bệnh viện luôn nhận được sự tin tưởng của người bệnh.
- Quản lý tài chính về mặt sổ sách chứng từ đúng quy củ và theo chuẩn mực kế toán hiện hành, được Công ty kiểm toán soát xét tình hình tài chính vào giữa niên độ và kiểm toán vào cuối niên độ tài chính với ý kiến chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính năm 2025.
- Tim Tâm Đức đã tiếp tục đầu tư phát triển Hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS). Với hệ thống Bệnh án điện tử (EMR) trong giai đoạn vận hành và hoàn thiện, định hướng năm 2026, bệnh viện sẽ trở thành bệnh viện không giấy.
- Số ca mổ tim năm 2025 giảm, chủ yếu do số ca mổ tim trẻ em giảm từ ảnh hưởng của các địa phương tái cấu trúc lại các tổ chức giúp đỡ bệnh nhân nghèo trong quá trình sáp nhập tỉnh thành. Tim Tâm Đức đã tiếp tục lại các hoạt động khám tim ở các địa phương, phối hợp chặt chẽ với các nhà tài trợ với nhịp độ như trước để tăng số lượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được mổ tim và số bệnh nhân được phẫu thuật từ đầu năm 2026.

Biên bản được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026 và lập thành 3 bản (mỗi bản gồm 2 trang) có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và Ban Thư ký giữ 01 bản.


CP CP Bệnh viện Tim Tâm Đức
Tổng Giám Đốc
BS. CKII. Đỗ Văn Bửu Đan
GDTC kiêm Kế toán Trưởng

Ths. Phan Thị Thanh Nga

Ban kiểm soát
Trưởng Ban

CN. Nguyễn Đức Tuấn

Bà Bùi Thúy Kiều

Ban Thư ký

CN. Nguyễn Ngọc Như Anh

Thành viên BKS

BS. Lê Thị Huyền Trang



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Khu Đô Thị Mới Phú Mỹ Hưng - 04 Khu phố 1, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. HCM

Tel: 1900 561 539 - Cấp cứu: (028) 22 015 015

<https://linktr.ee/benhvientimtamduc> - Website: <http://www.tamduchearthospital.com>